

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Trụ sở: Phường Cẩm Sơn - Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại : (0203) 3 862 229

Fax : (0203) 3 860 641

Website : taynamdamai.com.vn

Email : taynamdamai@gmail.com

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG 2019
CTCP THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

: 08 giờ 30 phút Thứ Sáu ngày 20/12/2019

Thời gian bắt đầu

Địa điểm tổ chức

: Hội trường Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin
Tổ 16 - Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
7h30 - 8h30	Đón tiếp và đăng ký đại biểu dự họp.	Văn Phòng Cty
8h30 - 9h00	Khai mạc Đại hội Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban Kiểm tra tư cách đại biểu.	Trần Phương Nam - UV HĐQT
9h00 - 9h10	Đề cử Thư ký Đại hội.	Hoàng Minh Hiếu – Chủ tọa
9h10 - 9h15	Ban Kiểm tra tư cách đại biểu công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.	Nguyễn Huy Hoàng – Trưởng Ban kiểm tra TCDB
9h15 - 9h20	Trình bày Chương trình, Quy chế làm việc và biểu quyết của Đại hội.	Trần Phương Nam - UV HĐQT
9h20 - 9h25	Biểu quyết thông qua: Chương trình và Quy chế biểu quyết tại Đại hội. Thông qua Ban kiểm phiếu.	Hoàng Minh Hiếu – Chủ tọa
9h25 - 9h35	<i>1. (Lấy ý kiến Đại hội bằng Thẻ biểu quyết) Biểu quyết thông qua việc Ông Nguyễn Xuân Lập thôi nhiệm vụ UVHĐQT Công ty kể từ ngày 01/12/2019 và biểu quyết không bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT trong Đại hội này;</i>	Hoàng Minh Hiếu – Chủ tọa
9h35 - 9h50	<i>2. (Trình bày) Phương án hợp nhất doanh nghiệp Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài-Vinacomin và Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin do Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) lập ngày 23 tháng 10 năm 2019;</i> <i>3. (Trình bày) Hợp đồng hợp nhất Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài-Vinacomin và Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin</i>	Đinh Văn Chiến - Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty
9h50-10h00	<i>4. (Trình bày) Dự thảo điều lệ công ty sau hợp nhất;</i> <i>5. (Trình bày) Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 ủy quyền cho HĐQT Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài-Vinacomin thực hiện những vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ để giải quyết các thủ tục theo quy định của pháp luật để tiến hành hợp nhất Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài-Vinacomin và Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin;</i>	Trần Phương Nam - UV HĐQT
10h00-10h10	<i>6. (Trình bày) Thông qua việc bầu chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, giám đốc, Trưởng ban kiểm soát thành viên Ban kiểm công ty hợp nhất;</i>	Hoàng Minh Hiếu – Chủ tọa
10h10-10h30	• Thảo luận và hướng dẫn biểu quyết. • Điều hành đại hội tiến hành bỏ phiếu biểu quyết.	Hoàng Minh Hiếu – Chủ tọa
10h30-11h00	• Đại hội giải lao. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu biểu quyết. • Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết sau giải lao.	Trần Phương Nam - UV HĐQT

11h00-11h15	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử bầu HĐQT, BKS Công ty hợp nhất. Thông báo về Hồ sơ đề cử, ứng cử Thành viên HĐQT, BKS. Thông qua đề xuất nhân sự ứng cử HĐQT, BKS. • Thảo luận và hướng dẫn bầu cử. Điều hành đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu cử. 	Hoàng Minh Hiếu – Chủ tọa
11h15-11h35	<ul style="list-style-type: none"> • Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu bầu cử. Đồng thời Chủ tọa điều hành đại hội giờ thờ đề bầu Giám đốc Công ty Hợp nhất. • Công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử; Ra mắt HĐQT, BKS, Giám đốc trúng cử. 	Trần Phương Nam – UV HĐQT
11h35-11h45	Đọc Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội.	Thư ký
11h45-11h55	Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội.	Hoàng Minh Hiếu – Chủ tọa
11h55-12h00	Bế mạc Đại hội.	Hoàng Minh Hiếu – Chủ tọa

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Minh Hiếu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 12 năm 2019

Số: /

Dự thảo

QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2019 CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68 Quốc hội khóa 13 kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường 2018 thông qua ngày 26/04/2018;

Đề Đại hội đồng cổ đông bất thường 2019 của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin diễn ra thành công tốt đẹp, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường 2019 đã xây dựng Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội như sau:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bất thường 2019 của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin diễn ra đúng quy định pháp luật hiện hành và thành công tốt đẹp;
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường 2019 của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại quy chế này, Điều lệ của Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi:** Quy chế này chỉ được sử dụng cho Đại hội đồng cổ đông bất thường 2019 của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin.

Điều 3. Giải thích từ ngữ/ từ viết tắt

- HĐQT: Hội đồng quản trị;
- BKS: Ban kiểm soát;
- Công ty: Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin;
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông;
- Đại biểu: Các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền);

- BTC: Ban tổ chức.

Điều 4. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ (Theo Điều 19 - Điều lệ Công ty 2018)

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, thì trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp.

Điều 5. Điều kiện cổ đông tham dự đại hội

- Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 21/11/2019 đều có quyền tham dự hoặc ủy quyền cho Đại diện của mình tham dự;
- Trường hợp cổ đông là cá nhân thì chỉ được ủy quyền tham dự họp cho một cá nhân khác. Trường hợp cổ đông là tổ chức có hơn một đại diện được ủy quyền tham dự theo quy định của pháp luật được quyền tham dự, thì phải xác định rõ số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Nếu người đại diện đã nhận ủy quyền dự họp thì không được phép tiếp tục ủy quyền dự họp cho người thứ ba;
- Đại biểu của đại hội phải tuân thủ các quy định sau:
 - + Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân ... theo yêu cầu của BTC Đại hội;
 - + Nhận hồ sơ, tài liệu phục vụ Đại hội tại bàn đón tiếp đại biểu;
 - + Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;
 - + Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại;
 - + Tuân thủ các quy định của BTC, của Chủ tọa điều hành Đại hội;
 - + Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp;
- Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cân trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

Điều 6. Chủ tọa và Đoàn chủ tịch

- Đại hội đồng cổ đông do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Chủ tọa điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà Hội đồng quản trị đã dự kiến thông qua trước Đại hội.
- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được Chủ tọa thì Trưởng ban kiểm soát điều khiển để Đại hội cổ đông bất thường 2019 bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - + Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua;
 - + Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - + Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - + Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - + Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch: Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Điều 7. Thư ký Đại hội

- Chủ tọa đề cử một hoặc một số người làm thư ký để lập biên bản đại hội.
- Nhiệm vụ và quyền hạn:
 - + Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - + Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
 - + Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ;
 - + Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Chủ tọa và thư ký Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách cổ đông

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm người, bao gồm Trưởng Ban và thành viên, do HĐQT thành lập và do Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.
- Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:
 - + Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

- + Trường Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 9. Ban kiểm phiếu

- Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người. Đại hội đồng cổ đông có quyền lựa chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa bằng cách giơ thẻ biểu quyết; nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ quyết định lựa chọn trong số những người đó. Các ứng cử viên tham gia ứng cử, đề cử không được tham gia vào ban kiểm phiếu.
- Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - + Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết;
 - + Kiểm và ghi nhận thẻ biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử;
 - + Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho Thư ký Đại hội;
 - + Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 10. Thảo luận tại Đại hội

10.1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu câu hỏi và chuyển cho Ban Thư ký;
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các Phiếu thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;
- Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới được phát biểu. Mỗi Đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

10.2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở Phiếu câu hỏi của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 11. Biểu quyết thông qua các vấn đề và bầu Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Trưởng BKS, thành viên BKS, Giám đốc Công ty Hợp nhất

11.1. Biểu quyết thông qua các vấn đề

a. Các quy định chung về biểu quyết

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai;
- Mỗi cổ phần có quyền biểu quyết sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết;
- Mỗi cổ đông có quyền biểu quyết hoặc đại diện được uỷ quyền hợp lệ đến tham dự Đại hội được BTC của Công ty cấp một Thẻ biểu quyết và 01 Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi mã đại biểu, họ và tên của cổ đông/ họ và tên đại diện được uỷ quyền và số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông/ đại biểu đó. Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội.

b. Thẻ thức biểu quyết, trình tự xin ý kiến biểu quyết

- Từng vấn đề được đưa ra trước Đại hội thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ đều được xin ý kiến theo trình tự:
 - + Tán thành (đồng ý) với nội dung vừa được đệ trình;
 - + Không tán thành (không đồng ý) với nội dung vừa được đệ trình;
 - + Không ý kiến (không có ý kiến) với nội dung vừa được đệ trình.
- Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, cổ đông tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung bằng một trong hai phương thức sau:
 - ❖ **Phương thức giơ thẻ biểu quyết:** Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các đại biểu biểu quyết giơ Thẻ biểu quyết lên cao hướng về phía Chủ tọa đoàn. Phương thức này dùng để thông qua các vấn đề khác trừ các báo cáo, tờ trình tại Đại hội.
 - + Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành và không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó.
 - + Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết trong cả ba lần hoặc hai trong số ba lần biểu quyết tán thành và/hoặc không tán thành và/hoặc không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không ý kiến vấn đề đó.
 - ❖ **Phương thức điền vào Phiếu biểu quyết:** Đối với từng nội dung, cổ đông chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “V” vào ô mình chọn. Phương thức này dùng để thông qua nội dung thuộc các báo cáo, tờ trình tại Đại hội.
 - + Trường hợp cổ đông không đánh dấu vào ô biểu quyết nào hoặc đánh dấu vào nhiều hơn một ô biểu quyết đối với cùng nội dung biểu quyết đó thì nội dung biểu quyết đó được coi là không hợp lệ. Nếu Phiếu biểu quyết hợp lệ có một

hoặc một số nội dung biểu quyết không hợp lệ thì các nội dung hợp lệ còn lại vẫn được tính vào kết quả biểu quyết đối với nội dung hợp lệ đó.

- + Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, cổ đông gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

c. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự;
- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.
- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
 - + Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;
 - + Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

d. Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ ghi nhận kết quả ghi thẻ biểu quyết, thu phiếu biểu quyết và ghi nhận kết quả biểu quyết trên phiếu biểu quyết;
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

e. Tỷ lệ tối thiểu cần đạt được khi biểu quyết

- Theo Khoản 3, Điều 21 - Điều lệ Công ty 2018, Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ **65%** tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:
 - + Loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại;
 - + Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - + Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty về mô hình hoạt động và quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp;
 - + Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị

tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

- + Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- + Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;
- + Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- Trừ những trường hợp nói trên, Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ **51%** tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

11.2. Bầu Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Trưởng BKS, thành viên BKS, Giám đốc Công ty Hợp nhất

- Việc bầu cử Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Trưởng BKS, thành viên BKS, Giám đốc Công ty Hợp nhất phải được thực hiện theo Quy chế bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường 2019 biểu quyết thông qua tại Đại hội.

Điều 12. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

- Biên bản và Nghị quyết họp của Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 13. Thực hiện

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản trị hiện hành của công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

HOÀNG MINH HIẾU



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày 10 tháng 12 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua miễn nhiệm 01 Ủy viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 – 2024 và không bầu bổ sung 01 Ủy viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 – 2024 CTCP Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin tại Đại hội bất thường năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin

- + Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- + Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/04/2018;
- + Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-HĐQT ngày 20/11/2019 của HĐQT Công ty về việc hưởng chế độ hưu trí của Ông Nguyễn Xuân Lập.
- + Căn cứ Nghị quyết số 206/NQ-HĐQT ngày 10/12/2019 của HĐQT Công ty,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua:

1. Miễn nhiệm chức danh Ủy viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 – 2024 Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin đối với Ông Nguyễn Xuân Lập kể từ ngày 01/12/2019;
2. Không bầu bổ sung 01 Ủy viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 – 2024 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGD, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

(Tài liệu ĐHCĐ bất thường 2019).

HOÀNG MINH HIỂU



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM
ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Số 208 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày 10 tháng 12 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: hợp nhất doanh nghiệp

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/06/2018;
- Căn cứ Nghị định 58/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 26/06/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 162/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 26/10/2015 hướng dẫn chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Quyết định số 2006/QĐ-TTg ngày 12/12/2017 phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2017 – 2020;
- Căn cứ Công văn số 245/2019/UHY-CV ngày 26/11/2019 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY về việc tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu để hợp nhất;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cao Tây Nam Đá Mài - Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua,

Để tăng trưởng về quy mô, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tái cơ cấu bộ máy tổ chức hoạt động, Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**DHĐCĐ**”) thông qua phương án hợp nhất Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin như sau:

A. PHƯƠNG ÁN HỢP NHẤT DOANH NGHIỆP.

1. Tổng quan về các công ty tham gia hợp nhất:

- Tên Công ty bị hợp nhất: **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN – VINACOMIN**

- Địa chỉ trụ sở chính: Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2203000748 thay đổi lần thứ tám ngày 20/01/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Quảng Ninh cấp
- Vốn điều lệ: 268.467.730.000 đồng
- Tên công ty bị hợp nhất: **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI – VINACOMIN**
- Địa chỉ trụ sở chính: Phường Cẩm Sơn - Thành phố Cẩm phả - Tỉnh Quảng Ninh
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700289499, đăng ký lần đầu ngày 25/09/1999, thay đổi lần thứ 11 ngày 12/12/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Quảng Ninh cấp
- Vốn điều lệ: 160.000.000.000 đồng

2. Hình thức hợp nhất:

CTCP Than Cao Sơn – Vinacomin (TCS), CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin (TND) sẽ hợp nhất thành một pháp nhân mới là Công ty Hợp nhất thông qua hoán đổi cổ phiếu TCS và TND lấy cổ phiếu của Công ty Hợp nhất theo Hợp đồng hợp nhất. Sau hợp nhất, CTCP Than Cao Sơn - Vinacomin và CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin sẽ chấm dứt tồn tại, chuyển toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác cho Công ty Hợp nhất.

3. Tỷ lệ và nguyên tắc hoán đổi:

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua kết quả định giá theo phương pháp tài sản của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY và tỷ lệ hoán đổi cổ phần được xác định theo phương pháp tài sản để thực hiện hợp nhất như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Than Cao Sơn	Tây Nam Đá Mài	Công ty Hợp nhất
1	Giá trị phần vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2019	1.917.837.704.771 đồng	1.142.933.430.560 đồng	
2	Tổng số vốn cổ phần của Công ty	26.846.773 cổ phần	16.000.000 cổ phần	
3	Giá trị 1 cổ phần (theo chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY	71.436 đồng/cổ phần	71.433 đồng/cổ phần	
4	Tỷ lệ hoán đổi cổ phần để hợp nhất	1	0,999	
5	Tỷ lệ hoán đổi đề xuất (đã làm tròn tỷ lệ)	1	1	

Stt	Chỉ tiêu	Than Cao Sơn	Tây Nam Đá Mài	Công ty Hợp nhất
6		1 cổ phần TCS sẽ nhận được 1 cổ phần Công ty hợp nhất	1 cổ phần TND sẽ nhận được 1 cổ phần Công ty hợp nhất	
7	Số lượng cổ phần công ty hợp nhất mà các cổ đông công ty bị hợp nhất sẽ nhận được sau khi làm tròn tỷ lệ hoán đổi	26.846.773	16.000.000	42.846.773

4. Phương án tổ chức công ty hợp nhất:

4.1. Thông tin chung

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV
- Tên tiếng Anh: CAO SON COAL JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính: Trụ sở chính của Công ty CP Than Cao Sơn - Đá Mài sẽ đặt tại trụ sở chính của Công ty CP Than Cao Sơn hiện nay (Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh), trụ sở của Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài hiện nay dự kiến sẽ làm trung tâm điều hành cho các công trường sản xuất của Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài hiện nay.

4.2. Ngành nghề, phạm vi hoạt động kinh doanh của công ty hợp nhất:

STT	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất	Mã ngành KTQD
1	Khai thác và thu gom than cứng (chính)	0510
2	Khai thác và thu gom than non	0520
3	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
4	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
5	Xây dựng công trình công ích khác	4229
6	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
7	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
8	Chuẩn bị mặt bằng	4312
9	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
10	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	2592
11	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
12	Xây dựng công trình đường sắt	4211
13	Xây dựng công trình đường bộ	4212
14	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
15	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
16	Phá dỡ	4311
17	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
18	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

STT	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất	Mã ngành KTQD
19	Xây dựng nhà để ở	4101
20	Xây dựng nhà không để ở	4102
21	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
22	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
23	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
24	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
25	Truyền tải và phân phối điện	3512
26	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
27	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
28	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
29	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
30	Sửa chữa thiết bị điện	3314
31	Sửa chữa thiết bị khác	3319
32	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313

4.4. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ của Công ty Hợp nhất là: 428.467.730.000 đồng (Bốn trăm hai mươi tám tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng)
- Số cổ phần phát hành: 42.846.773 cổ phần
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

5. Phương án phát hành cổ phiếu để thực hiện hợp nhất doanh nghiệp

Công ty hợp nhất sẽ phát hành cổ phần để hoán đổi lấy toàn bộ số cổ phần đang lưu hành của các Công ty bị hợp nhất theo phương thức dưới đây và được Đại hội đồng cổ đông các Công ty bị hợp nhất thông qua. Theo đó, tất cả các cổ đông hiện hữu của các Công ty bị hợp nhất sẽ trở thành cổ đông của Công ty hợp nhất thông qua việc sở hữu cổ phần Công ty hợp nhất phát hành thêm theo Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi, cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Đá Mài - Vinacomin
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 42.846.773 cổ phần
- Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá: 428.467.730.000 đồng
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin theo danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc hoán đổi.

- Phương thức phát hành: Công ty Hợp nhất sẽ phát hành 42.846.773 cổ phần để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phần của các cổ đông trong Công ty bị hợp nhất, trong đó:

- ✓ Tỷ lệ hoán đổi đối với cổ đông Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin là 1:1

01 cổ phần của Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin sẽ được hoán đổi với 01 cổ phần Công ty hợp nhất.

✓ Tỷ lệ hoán đổi đối với cổ đông Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin là 1:1.

01 cổ phần của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin sẽ được hoán đổi với 01 cổ phần Công ty hợp nhất.

6. Thủ tục và điều kiện hợp nhất

6.1. Thủ tục hợp nhất

Giao Dịch Hợp Nhất được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản pháp luật khác có liên quan, theo đó, Các công ty bị hợp nhất cần chuẩn bị:

- a) Dự thảo Phương án hợp nhất, Hợp đồng hợp nhất và Dự thảo Điều lệ Công ty hợp nhất;
- b) Tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ để thông qua Phương án hợp nhất; Hợp đồng hợp nhất; Dự thảo Điều lệ Công ty hợp nhất; Nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty hợp nhất.
- c) Mỗi bên công ty tham gia hợp nhất sẽ thực hiện các công việc cụ thể của mình theo Hợp đồng hợp nhất và theo các quy định của pháp luật để tiến hành giao dịch hợp nhất.
- d) Sau khi nhận được chấp thuận hợp nhất bằng văn bản của cơ quan đăng ký kinh doanh và UBCKNN, các công ty bị hợp nhất sẽ cùng nhau xác định ngày đăng ký cuối cùng để tiến hành việc hoán đổi cổ phần. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, các công ty bị hợp nhất sẽ thực hiện nộp hồ sơ đề nghị cấp/điều chỉnh GCNĐKDN cho Công ty hợp nhất.
- e) Vào ngày hoàn thành, các công ty bị hợp nhất sẽ hoàn thành việc bàn giao tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang Công ty hợp nhất ngoại trừ các tài sản phải đăng ký chuyển quyền sở hữu theo quy định.

6.2. Điều kiện hợp nhất

Các bên công ty tham gia thực hiện hợp nhất khi thỏa mãn các điều kiện sau đây:

- a) Phương án hợp nhất, Hợp đồng hợp nhất, Điều lệ dự thảo Công ty hợp nhất được ĐHĐCĐ của các công ty tham gia hợp nhất thông qua và được đại diện có thẩm quyền của các công ty này ký kết Hợp đồng hợp nhất.
- b) Các Công ty bị hợp nhất đã thông báo về Giao dịch hợp nhất và gửi các tài liệu liên quan cho các chủ nợ, bao gồm nhưng không giới hạn các ngân hàng, tổ chức cung cấp tín dụng, các ngân hàng, tổ chức, cá nhân hiện đang nhận tài sản bảo đảm hay bảo lãnh và các trái chủ (nếu có).
- c) Các Công ty bị hợp nhất đã thông báo về Giao dịch hợp nhất cho tất cả người lao động của Công ty theo quy định của pháp luật.
- d) Giao dịch hợp nhất này không vi phạm điều cấm của Luật Cạnh Tranh về tập trung kinh tế.
- e) Tất cả các phê chuẩn, chấp thuận cần có từ các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước có thẩm quyền hay từ bất kỳ bên thứ ba nào đều đã đạt được, bao gồm nhưng không giới hạn ở

giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng để hoán đổi theo mẫu ban hành tại Thông tư 162/2015/TT-BTC; Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý cạnh tranh về Giao dịch hợp nhất để thực hiện việc hoán đổi cổ phiếu theo Hợp đồng hợp nhất.

- f) Các Bên đã tiến hành việc công bố thông tin cần thiết về Giao dịch hợp nhất theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản

Toàn bộ tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của các công ty bị hợp nhất được coi là đã chuyển giao cho Công ty hợp nhất vào Ngày hợp nhất tính theo giá trị sổ sách tại Ngày hợp nhất.

- a) Vào Ngày hợp nhất, các Công ty bị hợp nhất sẽ lập Hội đồng bàn giao tài sản gồm Người đại diện theo pháp luật, các thành viên HĐQT, đại diện Ban kiểm soát của từng Bên. Hội đồng bàn giao tài sản có trách nhiệm bảo quản, thống kê, ký Biên bản bàn giao với Hội đồng tiếp nhận tài sản của Công ty hợp nhất. Hội đồng tiếp nhận tài sản gồm Người đại diện theo pháp luật, các thành viên HĐQT của Công ty hợp nhất.
- b) Vào Ngày hợp nhất, toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình tổ chức và hoạt động của các Công ty bị hợp nhất phải được chuyển giao cho Công ty hợp nhất. Các Công ty bị hợp nhất đồng thời thực hiện việc khóa sổ kế toán, kiểm kê tài sản, lập Báo cáo tài chính và bàn giao toàn bộ tài liệu kế toán cho Công ty hợp nhất trên cơ sở Biên bản bàn giao.
- c) Việc chuyển giao tài sản và nghĩa vụ nợ phải được ghi nhận tại Biên bản bàn giao, xác nhận tình trạng Tài sản/Nghĩa vụ nợ theo từng danh mục Tài sản/Nghĩa vụ nợ. Hội đồng bàn giao tài sản của mỗi bên công ty bị hợp nhất liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp kê khai không đúng, không đầy đủ tình trạng tài sản, công nợ của mỗi bên trong Biên bản bàn giao.
- d) Tất cả các khoản tiền và khoản nợ (thuộc bất kỳ loại nào và bằng bất kỳ loại tiền tệ nào) đến hạn, còn nợ, phát sinh hoặc phải trả cho bên thứ ba nào của các công ty bị hợp nhất tồn tại ngay trước Ngày hợp nhất và đã được liệt kê tại Báo cáo kiểm toán và Bảng tổng hợp các thay đổi phát sinh sẽ được chuyển giao cho và trở thành nghĩa vụ của Công ty hợp nhất. Công ty hợp nhất có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ đối với bên thứ ba đó.
- e) Đối với các tài sản phải đăng ký theo quy định của pháp luật (bao gồm cả quyền khai thác khoáng sản) Công ty hợp nhất sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký chuyển quyền sở hữu từ Công ty bị hợp nhất sang Công ty hợp nhất đối với các tài sản này trong vòng 06 (sáu) tháng kể từ Ngày hợp nhất trên cơ sở phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.
- f) Vào Ngày hợp nhất, Công ty hợp nhất căn cứ vào Biên bản bàn giao mở sổ kế toán, tổng hợp Báo cáo tài chính của CTCP Than Cao Sơn - Vinacomin, CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin thành Báo cáo tài chính của Công ty hợp nhất.

- g) Kể từ Ngày hợp nhất, Công ty hợp nhất sẽ kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ các bên theo các hợp đồng còn hiệu lực giữa hai bên công ty bị hợp nhất và bên thứ ba trước Ngày hợp nhất, và sẽ bị ràng buộc bởi các hợp đồng đó.
- h) Trong thời gian kể từ ngày ký Hợp đồng cho đến Ngày hợp nhất, các Bên vẫn hoạt động kinh doanh bình thường, vẫn thực hiện các nghĩa vụ về tài sản hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng đã ký kết, hoặc ký các hợp đồng cần thiết khác phục vụ hoạt động kinh doanh thường ngày, cũng như ban hành các quyết định nội bộ khác để điều hành các công việc thường ngày, tuy nhiên phải tuân thủ các cam kết và hạn chế khác mà các Bên đã thống nhất và ghi nhận tại Hợp đồng này.

8. Phương án hoạt động kinh doanh sau hợp nhất:

- Sau khi thực hiện hợp nhất, Công ty hợp nhất sẽ được tổ chức, sắp xếp lại bộ máy một cách hợp lý, tăng sức cạnh tranh, mở rộng quan hệ, hợp tác đa phương nhằm phát triển SXKD, nâng cao tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu...
- Sau khi thực hiện hợp nhất, Công ty sẽ có quyền khai thác 2 mỏ than lộ thiên lớn, thân thiện với môi trường, với thiết bị công nghệ khai thác, chế biến tốt, đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường, cải thiện điều kiện lao động cho công nhân vận hành, đảm bảo an toàn cho tất cả các công đoạn trong dây chuyền sản xuất, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất.
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm tới dự kiến:

Stt	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2019 (dự kiến)	2020	2021	2022
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	428	428	428	428
2	Sản lượng than khai thác	Triệu Tấn	6,16	6,45	6,5	6,7
3	Doanh thu	Tỷ đồng	8.577	8.733	8.822	8.960
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	94	100	137	137
5	Cổ tức	% vốn điều lệ	≥ 7	≥ 7	≥ 7	≥ 7
6	Thu nhập bình quân người lao động	nghìn đồng/ng/tháng	11.300	11.865	12.485	13.081

9. Phương án sử dụng lao động:

Vào Ngày hợp nhất, toàn bộ người lao động của CTCP Than Cao Sơn – Vinacomin, CTCP Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin sẽ trở thành người lao động của Công ty hợp nhất. Công ty hợp nhất có nghĩa vụ thừa nhận, tôn trọng và cam kết tiếp tục kế thừa các hợp đồng lao động của người lao động của CTCP Than Cao Sơn – Vinacomin, CTCP Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin. Đồng thời, Công ty hợp nhất sẽ đảm bảo chế độ làm việc, thu nhập và phúc lợi cho người lao động tối thiểu đạt mức hiện tại.

B. ĐIỀU LỆ CÔNG TY SAU HỢP NHẤT

Hội đồng quản trị kính trình các cổ đông thông qua nội dung Điều lệ Công ty hợp nhất theo quy định áp dụng đối với công ty đại chúng theo mẫu tại Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017. (theo tài liệu đính kèm).

C. HỢP ĐỒNG HỢP NHẤT GIỮA CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

HDQT kính trình các cổ đông thông qua nội dung Hợp đồng hợp nhất giữa 2 Công ty (theo tài liệu đính kèm) và ủy quyền cho HDQT đàm phán, bổ sung và hoàn chỉnh Hợp đồng hợp nhất cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật có liên quan.

D. LƯU KÝ BỔ SUNG CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH CỦA CÔNG TY HỢP NHẤT TẠI TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM VÀ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SÀN UPCOM TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty hợp nhất có trách nhiệm đăng ký công ty đại chúng với UBCKNN sau khi đi vào hoạt động và đáp ứng các điều kiện theo quy định.

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm của Công ty hợp nhất sẽ được đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên sàn UpCOM hoặc đăng ký niêm yết (nếu đủ điều kiện) tại Sở Giao dịch chứng khoán.

E. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Để việc triển khai thực hiện công tác hợp nhất 2 Công ty được nhanh chóng và thuận lợi, HDQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt giao cho người có thẩm quyền tại các đơn vị tổ chức thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn, các công việc sau đây:

1. Đàm phán, bổ sung và hoàn chỉnh Hợp đồng hợp nhất cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật có liên quan giữa Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin;
2. Triển khai thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để phát hành cổ phiếu thực hiện hoán đổi để thực hiện hợp nhất theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
3. Tổ chức, sắp xếp bộ máy hoạt động, nhân sự của Công ty hợp nhất để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được liên tục;
4. Triển khai thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để lưu ký bổ sung số cổ phiếu phát hành và đăng ký giao dịch tập trung trên sàn giao dịch UpCOM hoặc đăng ký niêm yết (nếu đủ điều kiện) tại Sở Giao dịch chứng khoán theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;

Kính trình Quý Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu Văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG HỢP NHẤT

(Số:)

giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN (TCS)

và

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÀ MÀI -
VINACOMIN (TND)**

Hà Nội, tháng .../2019

Hợp đồng hợp nhất này ("**Hợp đồng**") được lập và ký kết vào ngày ... tháng ... năm 2019 ("**Ngày Ký Kết**") giữa và bởi các bên tham gia hợp nhất, gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN – VINACOMIN

- Địa chỉ trụ sở chính: Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2203000748 thay đổi lần thứ tám ngày 20/01/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Quảng Ninh cấp
- Đại diện theo pháp luật: **Ông Phạm Thành Đông** – Chức vụ: Giám đốc

Và

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

- Địa chỉ trụ sở chính: Phường Cẩm Sơn - Thành phố Cẩm phả - Tỉnh Quảng Ninh
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700289499, đăng ký lần đầu ngày 25/09/1999, thay đổi lần thứ 11 ngày 12/12/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Quảng Ninh cấp
- Đại diện theo pháp luật: Ông **Vũ Trọng Tuấn** – Chức vụ: Q. Giám đốc

(Bên A và Bên B sau đây được gọi chung là "**Các Bên**"/"**Hai Bên**" và được gọi riêng là "**Bên**"/"**Một Bên**"/"**Mỗi Bên**"/"**Công ty bị hợp nhất**").

CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Nghị định 58/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 162/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 26/10/2015 hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin số ... thông qua phương án hợp nhất ngày ...;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin sốthông qua phương án hợp nhất ngày/...../.....;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin số thông qua Hợp đồng hợp nhất ngày/...../.....;

- *Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin số ... thông qua Hợp đồng hợp nhất ngày*

CƠ SỞ XÁC LẬP HỢP ĐỒNG

Việc hợp nhất Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin được thực hiện theo Quyết định số 2006/QĐ-TTg ngày 12/12/2017 phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2017 – 2020. Việc tái cấu trúc lại doanh nghiệp thông qua việc hợp nhất hai Bên để nhằm phát huy và tập trung nguồn lực của các Bên, nâng cao năng lực tài chính, phát triển thương hiệu, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư và vì lợi ích tốt nhất của các cổ đông của các Bên.

Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) của Bên A đã thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ số ... vào ngày ... và ĐHĐCĐ của Bên B đã thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ số ... vào ngày ..., theo đó các cổ đông của từng Bên đã ủy quyền cho Hội đồng Quản trị (“**HDQT**”) của mình tất cả các quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc đàm phán, thương lượng, lên phương án sử dụng lao động, phương án chuyển giao, xử lý tài sản, và ủy quyền cho Giám đốc các bên ký kết Hợp đồng hợp nhất và thực hiện các thủ tục khác liên quan để hoàn tất việc hợp nhất.

Trên cơ sở kết quả thương lượng, đàm phán giữa Hai Bên, Bên A và Bên B thống nhất ký kết Hợp đồng hợp nhất này với các nội dung điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ QUY ƯỚC VIẾT TẮT

- 1.1. **Hợp đồng** là Hợp đồng hợp nhất được ký kết giữa Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin, tức Hợp đồng này.
- 1.2. **Giao Dịch Hợp Nhất** là việc Bên A và Bên B hợp nhất thành Công ty Hợp nhất thông qua hoán đổi cổ phiếu của Bên A và Bên B lấy cổ phiếu của Công ty Hợp nhất. Sau hợp nhất, CTCP Than Cao Sơn - Vinacomin và CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin sẽ chấm dứt tồn tại, chuyển toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác cho Công ty Hợp nhất.
- 1.3. **Công ty Hợp nhất** là công ty được hình thành từ Giao Dịch Hợp Nhất tức Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV.
- 1.4. **Cổ phần** là phần vốn được chia bằng nhau từ vốn điều lệ của công ty cổ phần.
- 1.5. **Cổ phiếu** là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành.
- 1.6. **Chủ nợ** là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ.

- 1.7. **Phương án hợp nhất** là toàn bộ nội dung về các vấn đề các Bên phải thực hiện liên quan đến việc hợp nhất, đã được Đại hội đồng cổ đông của các Bên thông qua một cách hợp pháp. Phương án hợp nhất là một cấu phần của bộ hồ sơ đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hợp nhất.
- 1.8. **Ngày Hợp nhất** là ngày Công ty Hợp nhất nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- 1.9. **Ngày Đăng Ký Cuối Cùng** là ngày chốt danh sách cổ đông đồng thời của cả Bên A và Bên B để tiến hành việc hoán đổi cổ phần.
- 1.10. **Ngày Hoàn thành** là ngày mà tất cả các điều kiện tại Điều 3.5 được đáp ứng toàn bộ
- 1.11. **ĐHĐCĐ** là Đại hội đồng cổ đông.
- 1.12. **HĐQT** là Hội đồng quản trị.
- 1.13. **BKS** là Ban kiểm soát.
- 1.14. **GCNĐKDN** là Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp.
- 1.15. **TCS** là Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin
- 1.16. **TNĐM** là Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin
- 1.17. **UBCKNN** là Ủy ban chứng khoán nhà nước.

ĐIỀU 2. CÔNG TY HỢP NHẤT

Bên A và Bên B sẽ hợp nhất thành Công ty Hợp nhất bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của hai Công ty tham gia hợp nhất sang Công ty Hợp nhất, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của các công ty bị hợp nhất. Thông tin về Công ty Hợp nhất như sau:

2.1. Thông tin chung

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV;

Tên tiếng Anh: CAO SON COAL JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt:

Trụ sở chính: Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

2.2. Ngành nghề, phạm vi hoạt động kinh doanh của công ty hợp nhất:

a) Tại thời điểm hợp nhất, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất	Mã ngành KTQD
1	Khai thác và thu gom than cứng (chính)	0510
2	Khai thác và thu gom than non	0520
3	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
4	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211

STT	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất	Mã ngành KTQD
5	Xây dựng công trình công ích khác	4229
6	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
7	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
8	Chuẩn bị mặt bằng	4312
9	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
10	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	2592
11	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
12	Xây dựng công trình đường sắt	4211
13	Xây dựng công trình đường bộ	4212
14	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
15	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
16	Phá dỡ	4311
17	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
18	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
19	Xây dựng nhà để ở	4101
20	Xây dựng nhà không để ở	4102
21	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
22	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
23	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
24	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
25	Truyền tải và phân phối điện	3512
26	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
27	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
28	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
29	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
30	Sửa chữa thiết bị điện	3314
31	Sửa chữa thiết bị khác	3319
32	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313

b) Ngoài các ngành nghề cụ thể tại điểm a), Công ty có thể bổ sung các ngành nghề kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua

2.3. Người đại diện theo pháp luật, Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS), Giám đốc của Công Ty Hợp nhất do ĐHĐCĐ 02 công ty bị hợp nhất bầu, thông qua.

2.4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công Ty Hợp nhất là: 428.467.730.000 đồng (Bốn trăm hai mươi tám tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng)

Số cổ phần phát hành: 42.846.773 cổ phần

Loại cổ phần: phổ thông

Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

2.5. Điều lệ Công Ty Hợp nhất

Dự thảo Điều lệ Công Ty Hợp nhất do các Bên xây dựng và được Đại hội đồng cổ đông các Bên thông qua. Sau Ngày Hiệu Lực, dự thảo Điều lệ này sẽ trở thành Điều lệ Công Ty Hợp nhất.

ĐIỀU 3. HỢP NHẤT CÔNG TY

3.1. Hình thức hợp nhất

- a) CTCP Than Cao Sơn – Vinacomin (TCS), CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin (TND) sẽ hợp nhất thành một pháp nhân mới gọi là Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV thông qua hoán đổi cổ phiếu TCS và TND lấy cổ phiếu của Công ty Hợp nhất theo Hợp đồng hợp nhất. Sau hợp nhất, CTCP Than Cao Sơn - Vinacomin và CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin sẽ chấm dứt tồn tại, chuyển toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác cho Công ty Hợp nhất.
- b) Vốn điều lệ của Công ty Hợp nhất sẽ được xác định bằng tổng vốn điều lệ trên giá trị sổ sách của các Công ty bị hợp nhất tại thời điểm định giá để xác định tỷ lệ hoán đổi thực hiện hợp nhất các công ty.

3.2. Phương pháp kế toán hợp nhất

Giá trị tài sản, nợ phải trả của CTCP Than Cao Sơn - Vinacomin, CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin sẽ được chuyển giao cho Công ty Hợp nhất bằng cách cộng ngang sổ, với các nguyên tắc cơ bản sau:

Tài sản và nợ phải trả, vốn chủ sở hữu của Công ty Hợp nhất được xác định bằng cách cộng ngang tài sản và nợ phải trả, vốn chủ sở hữu của CTCP Than Cao Sơn - Vinacomin và CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin tại Ngày Hợp nhất.

3.3. Thời gian hợp nhất

Sau khi Cơ quan đăng ký kinh doanh, UBCKNN chấp thuận việc hợp nhất giữa Bên A và Bên B, Các Bên thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của Hợp đồng này, các quy định khác của pháp luật để hoàn tất Giao Dịch Hợp Nhất.

3.4. Điều kiện hợp nhất

Các Bên tham gia thực hiện hợp nhất khi thỏa mãn các điều kiện sau đây:

- a) Phương án hợp nhất, Hợp đồng hợp nhất, Điều lệ dự thảo Công ty Hợp nhất Hợp được ĐHĐCĐ của Hai Bên thông qua và được đại diện có thẩm quyền của Hai Bên ký kết Hợp đồng hợp nhất.
- b) Các Công ty bị hợp nhất đã thông báo về Giao Dịch Hợp Nhất và gửi các tài liệu liên quan cho các chủ nợ, bao gồm nhưng không giới hạn các ngân hàng, tổ chức cung cấp tín dụng, các ngân hàng, tổ chức, cá nhân hiện đang nhận tài sản bảo đảm hay bảo lãnh và các trái chủ (nếu có).
- c) Các Công ty bị hợp nhất đã thông báo về Giao Dịch Hợp Nhất cho tất cả người lao động của Công ty theo quy định của pháp luật.
- d) Giao Dịch Hợp Nhất này không vi phạm điều cấm của Luật Cạnh Tranh về tập trung kinh tế.
- e) Tất cả các phê chuẩn, chấp thuận cần có từ các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước có thẩm quyền hay từ bất kỳ bên thứ ba nào đều đã đạt được, bao gồm nhưng không giới hạn ở giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng để hoán đổi theo mẫu ban hành tại Thông tư 162/2015/TT-BTC; Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý cạnh tranh về Giao Dịch Hợp Nhất để thực hiện việc hoán đổi cổ phiếu theo Hợp đồng Hợp Nhất.
- f) Các Bên đã tiến hành việc công bố thông tin cần thiết về Giao Dịch Hợp Nhất theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.5. Thủ tục hợp nhất

Giao Dịch Hợp Nhất được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản pháp luật khác có liên quan, theo đó, Các Bên cần chuẩn bị:

- a) Dự thảo Phương án hợp nhất, Hợp đồng hợp nhất và Dự thảo Điều lệ Công ty Hợp nhất;
- b) Tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ để thông qua Phương án hợp nhất; Hợp đồng hợp nhất; Dự thảo Điều lệ Công ty Hợp nhất; Nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Hợp nhất.

- c) Mỗi Bên sẽ thực hiện các công việc cụ thể của mình theo Hợp đồng hợp nhất và theo các quy định của pháp luật để tiến hành Giao Dịch Hợp Nhất.
- d) Sau khi nhận được chấp thuận hợp nhất bằng văn bản của Cơ quan đăng ký kinh doanh và UBCKNN, Hai Bên sẽ cùng nhau xác định Ngày Đăng Ký Cuối Cùng để tiến hành việc hoán đổi cổ phần. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ Ngày Đăng Ký Cuối Cùng, Hai Bên sẽ thực hiện nộp hồ sơ đề nghị cấp/điều chỉnh GCNĐKDN cho Công ty Hợp nhất.
- e) Vào Ngày Hoàn thành, Hai Bên sẽ hoàn thành việc bàn giao tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang Công ty Hợp nhất ngoại trừ các tài sản phải đăng ký chuyển quyền sở hữu như quy định tại điều 6.5 của Hợp đồng này

ĐIỀU 5: PHƯƠNG ÁN HOÁN ĐỔI CỔ PHẦN

4.1.1. Phương pháp xác định tỷ lệ hoán đổi cổ phần:

- a) Vốn điều lệ Công ty Hợp nhất = Tổng vốn điều lệ trên giá trị sổ sách của các Công ty tham gia hợp nhất
- b) Trên cơ sở giá trị phần vốn chủ sở hữu theo kết quả thẩm định giá của các Công ty bị hợp nhất (Giá trị tài sản thuần định giá), tỷ trọng tương quan của kết quả này trong tổng giá trị để tính toán số lượng cổ phần phát hành của Công ty Hợp nhất nhằm mục đích hoán đổi lấy cổ phần của các Công ty bị hợp nhất. Cụ thể:
 - Số lượng cổ phần của Công ty Hợp nhất phát hành để hoán đổi lấy cổ phần của TCS = Tỷ trọng vốn chủ sở hữu định giá lại của TCS x số lượng cổ phần của Công ty Hợp nhất
 - Số lượng cổ phần của Công ty Hợp nhất phát hành để hoán đổi lấy cổ phần của TNĐM = Tỷ trọng vốn chủ sở hữu định giá lại của TNĐM x số lượng cổ phần của Công ty Hợp nhất
 - Tỷ lệ hoán đổi của cổ đông TCS, TNĐM = Số lượng cổ phần của Công ty Hợp nhất phát hành để hoán đổi lấy cổ phần của TCS, TNĐM / Số cổ phần đang lưu hành của Công ty bị Hợp nhất đó
 - Số lượng cổ phần Công ty Hợp nhất mà cổ đông TCS, TNĐM được nhận = Tỷ lệ hoán đổi của cổ đông TCS, TNĐM x Số lượng cổ phần TCS, TNĐM thuộc sở hữu của cổ đông đó.
- c) Tỷ lệ chuyển đổi cổ phần cho các cổ đông của Bên A và Bên B như sau:
 - Tỷ lệ chuyển đổi cổ phần cho cổ đông Bên A là Cổ đông sở hữu 01 cổ phần của Bên A sẽ được nhận 01 cổ phần của Công ty Hợp nhất,
 - Tỷ lệ chuyển đổi cổ phần cho cổ đông Bên B là Cổ đông sở hữu 01 cổ phần của Bên B sẽ được nhận 01 cổ phần của Công ty Hợp nhất.

5.2 Thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi cổ phần

- a) Kể từ ngày ĐIIĐCD thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu cho đến Ngày Đăng Ký Cuối Cùng, Bên A và Bên B không được phát hành thêm, phân chia, tách, gộp cổ phần.
- b) Bên A và Bên B phải xác định ngày chốt danh sách cổ đông của Mỗi Bên để tiến hành việc hoán đổi cổ phiếu thành cổ phiếu của Công ty Hợp Nhất (“Ngày Đăng Ký Cuối Cùng”). Mỗi Bên có trách nhiệm bàn giao danh sách cổ đông chốt tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng của mình cho Công ty Hợp nhất.
- c) Từ ngày Hợp nhất, mọi cổ phần, cổ phiếu do Bên A, Bên B đã phát hành và đang lưu hành trước thời điểm hoán đổi sẽ tự động bị hủy và chấm dứt tồn tại.
- d) Công ty Hợp nhất sẽ không có nghĩa vụ thanh toán bất cứ khoản tiền nào hoặc tài sản nào khác cho bất cứ tổ chức/cá nhân nào liên quan đến cổ phần, của Bên A, Bên B ngoài việc mặc nhiên chuyển các cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng thành cổ đông của Công ty Hợp nhất.
- e) Việc chuyển giao cổ phiếu sẽ được thực hiện tại Trụ sở Công ty Hợp nhất, trong vòng 30 ngày kể từ Ngày Hợp Nhất. Cổ đông của Bên A và cổ đông của Bên B sẽ được nhận Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần Công ty Hợp nhất. Toàn bộ Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần/Sổ cổ đông của Bên A và Bên B sẽ được hủy ngay sau khi Công ty Hợp nhất nhận bàn giao.

ĐIỀU 6. THỜI HẠN, THỦ TỤC VÀ ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI TÀI SẢN

Toàn bộ tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của các Bên được coi là đã chuyển giao cho Công ty Hợp nhất vào Ngày Hợp Nhất tính theo giá trị sổ sách tại Ngày Hợp Nhất.

- 6.1. Vào Ngày Hợp Nhất, Bên A và Bên B sẽ lập Hội đồng bàn giao tài sản gồm Người đại diện theo pháp luật, các thành viên HĐQT, đại diện Ban kiểm soát của từng Bên. Hội đồng bàn giao tài sản có trách nhiệm bảo quản, thống kê, ký Biên bản bàn giao với Hội đồng tiếp nhận tài sản của Công ty Hợp nhất. Hội đồng tiếp nhận tài sản gồm Người đại diện theo pháp luật, các thành viên HĐQT của Công ty Hợp nhất.
- 6.2. Vào Ngày Hợp Nhất, toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình tổ chức và hoạt động của các Công ty bị Hợp nhất phải được chuyển giao cho Công ty Hợp nhất. Các Bên đồng thời thực hiện việc khóa sổ kế toán, kiểm kê tài sản, lập Báo cáo tài chính và bàn giao toàn bộ tài liệu kế toán cho Công ty Hợp nhất trên cơ sở Biên bản bàn giao.

- 6.3. Việc chuyển giao tài sản và nghĩa vụ nợ phải được ghi nhận tại Biên bản bàn giao, xác nhận tình trạng Tài sản/Nghĩa vụ nợ theo từng danh mục Tài sản/Nghĩa vụ nợ. Hội đồng bàn giao tài sản của mỗi Bên liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp kê khai không đúng, không đầy đủ tình trạng tài sản, công nợ của mỗi Bên trong Biên bản bàn giao.
- 6.4. Tất cả các khoản tiền và khoản nợ (thuộc bất kỳ loại nào và bằng bất kỳ loại tiền tệ nào) đến hạn, còn nợ, phát sinh hoặc phải trả cho bên thứ ba nào của Bên A, Bên B tồn tại ngay trước Ngày Hợp Nhất và đã được liệt kê tại Báo cáo kiểm toán và Bảng tổng hợp các thay đổi phát sinh sẽ được chuyển giao cho và trở thành nghĩa vụ của Công ty Hợp nhất. Công ty Hợp nhất có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ đối với bên thứ ba đó.
- 6.5. Đối với các tài sản phải đăng ký theo quy định của pháp luật (bao gồm cả quyền khai thác khoáng sản) Công ty Hợp nhất sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký chuyển quyền sở hữu từ Công ty bị hợp nhất sang Công ty Hợp nhất đối với các tài sản này trong vòng 06 (sáu) tháng kể từ Ngày Hợp Nhất trên cơ sở phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.
- 6.6. Vào Ngày Hợp Nhất, Công ty Hợp nhất căn cứ vào Biên bản bàn giao mở sổ kế toán, tổng hợp Báo cáo tài chính của CTCP Than Cao Sơn - Vinacomin, CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin thành Báo cáo tài chính của Công ty Hợp nhất.
- 6.7. Kể từ ngày Hợp nhất, Công ty Hợp nhất sẽ kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ các bên theo các hợp đồng còn hiệu lực giữa Bên A, Bên B và bên thứ ba trước ngày Hợp nhất, và sẽ bị ràng buộc bởi các hợp đồng đó.
- 6.8. Trong thời gian kể từ ngày ký Hợp đồng cho đến Ngày Hợp nhất, các Bên vẫn hoạt động kinh doanh bình thường, vẫn thực hiện các nghĩa vụ về tài sản hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng đã ký kết, hoặc ký các hợp đồng cần thiết khác phục vụ hoạt động kinh doanh thường ngày, cũng như ban hành các quyết định nội bộ khác để điều hành các công việc thường ngày, tuy nhiên phải tuân thủ các cam kết và hạn chế khác mà các Bên đã thống nhất và ghi nhận tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 7. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- 7.1. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày DHDCĐ thông qua Hợp đồng hợp nhất, các Công ty bị hợp nhất có trách nhiệm thông báo cho tất cả người lao động biết về việc hợp nhất giữa CTCP Than Cao Sơn- Vinacomin và CTCP Than Tây Nam Đá Mài- Vinacomin
- 7.2. Sau Ngày Hiệu Lực, Công ty Hợp nhất có trách nhiệm lập kế hoạch sử dụng và sắp xếp, giải quyết lao động trên cơ sở phù hợp với điều kiện hoạt động của Công Ty Hợp nhất, phù hợp với trình độ, năng lực của người lao động và phù hợp với các quy định của pháp luật về lao động. Đối với người lao động không muốn làm

việc tại Công ty Hợp nhất, Công ty Hợp nhất sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với họ theo quy định pháp luật hiện hành. Đồng thời, Công ty Hợp nhất sẽ đảm bảo chế độ làm việc, thu nhập và phúc lợi cho người lao động tối thiểu đạt mức hiện tại của họ trước thời điểm hợp nhất.

- 7.3. Vào Ngày Hợp Nhất, toàn bộ người lao động của CTCP Than Cao Sơn - Vinacomin, CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin sẽ trở thành người lao động của Công ty Hợp nhất. Công ty Hợp nhất có nghĩa vụ thừa nhận, tôn trọng và cam kết tiếp tục kế thừa các hợp đồng lao động của người lao động của CTCP Than Cao Sơn - Vinacomin, CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin. Đồng thời, Công ty Hợp nhất sẽ đảm bảo chế độ làm việc, thu nhập và phúc lợi cho người lao động tối thiểu đạt mức hiện tại của họ trước thời điểm hợp nhất.

ĐIỀU 8. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ, CHỦ NỢ

8.1. Đối với cổ đông

Cổ đông các Công ty bị hợp nhất có các quyền theo quy định tại Điều 129, Điều 130 và Điều 131 Luật Doanh nghiệp, phù hợp với Điều lệ, quy định nội bộ của Mỗi Bên.

8.2. Đối với chủ nợ

Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ĐHĐCD thông qua Hợp đồng hợp nhất, các Công ty bị hợp nhất có trách nhiệm gửi Hợp đồng hợp nhất đến tất cả các chủ nợ ("**Các Chủ Nợ**"). CTCP Than Cao Sơn- Vinacomin, CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin cần:

- (i) Gửi văn bản thông báo cho Các Chủ Nợ về việc hợp nhất; và
- (ii) Gửi thông báo và xin chấp thuận từ Các Chủ Nợ cho việc hợp nhất cũng như việc các Công ty bị hợp nhất chuyển giao nghĩa vụ thanh toán cho Công Ty Hợp Nhất (đối với các thỏa thuận vay giữa CTCP Than Cao Sơn - Vinacomin, CTCP Than Tây Nam Đá Mài và Các Chủ Nợ yêu cầu việc hợp nhất của các Công ty bị hợp nhất phải xin ý kiến của Các Chủ Nợ đó).

Kể từ Ngày Hợp Nhất, Công ty Hợp nhất sẽ kế thừa nghĩa vụ và chịu trách nhiệm thanh toán đối với Các Chủ Nợ.

8.3. Đối với khách hàng

Các Công ty bị Hợp nhất cần tiến hành các công việc sau:

- (i) Gửi văn bản thông báo về việc hợp nhất cho các khách hàng có hợp đồng còn hiệu lực với Mỗi Bên và
- (ii) Gửi thông báo và xin chấp thuận từ các khách hàng cho việc hợp nhất cũng như việc các Công ty bị hợp nhất chuyển giao quyền lợi, nghĩa vụ cho Công Ty Hợp Nhất (đối với các hợp đồng/thỏa thuận giữa CTCP Than Cao Sơn -

Vinacomin, CTCP Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin và các khách hàng yêu cầu việc hợp nhất của các Công ty bị hợp nhất phải xin ý kiến của các khách hàng đó).

Toàn bộ Khách hàng của các Công ty bị hợp nhất sẽ được chuyển giao cho Công ty Hợp nhất. Công ty Hợp nhất kế thừa về nguyên tắc tất cả các quyền và nghĩa vụ của các Công ty bị hợp nhất đối với Khách hàng.

Các Công ty bị hợp nhất và Công ty Hợp nhất cam kết cao nhất về đảm bảo mọi điều kiện giao dịch và quyền lợi, nghĩa vụ sẽ được thực hiện như đã giao kết với khách hàng trong và sau khi tiến hành Giao Dịch Hợp Nhất.

ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

Mỗi Bên trong Hợp đồng này có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- 9.1. Tiến hành thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, kê khai tài sản, quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp một cách trung thực, chính xác.
- 9.2. Không mở rộng ngành nghề kinh doanh, hoặc đầu tư vào một dự án nào mà không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên còn lại kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực. Không thực hiện bất kỳ hoạt động nào có khả năng gây phương hại đến việc thực hiện các hợp đồng đang có hiệu lực vào thời điểm ký kết Hợp đồng này.
- 9.3. Không sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, thay thế các chính sách, quy chế, quy định, quy trình quản lý, điều hành đang được áp dụng tại công ty kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực (bao gồm cả các quy định về tài chính, kế toán, kiểm toán...).
- 9.4. Phối hợp, kiểm soát việc thực hiện theo Hợp đồng này.
- 9.5. Không ban hành bất kỳ văn bản nào gây cản trở việc Giao Dịch Hợp Nhất.
- 9.6. Cung cấp kịp thời thông tin liên quan đến Giao Dịch Hợp Nhất theo yêu cầu của Bên kia.
- 9.7. Chịu trách nhiệm toàn bộ đối với tất cả những thông tin, tài liệu, giấy tờ... cung cấp để phục vụ cho Giao Dịch Hợp Nhất.
- 9.8. Giải quyết các khiếu nại, tranh chấp có liên quan đến việc Giao Dịch Hợp Nhất và mọi hoạt động của Mỗi Bên tính đến Ngày Hợp nhất.
- 9.9. Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về số liệu các khoản nợ, tiền phải trả, nghĩa vụ tài chính và chi phí phát sinh của Mỗi Bên tính đến Ngày Hợp nhất. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Mỗi Bên liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp kê khai không đúng, không đầy đủ tình trạng tài sản, công nợ của Bên đó.
- 9.10. Trong thời gian kể từ ngày ký kết Hợp đồng đến Ngày Hợp nhất, Mỗi Bên phải đảm bảo các hoạt động kinh doanh được diễn ra một cách bình thường; tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành; giữ gìn hình ảnh, thương hiệu và uy tín của mình.

ĐIỀU 10. ĐIỀU LỆ VÀ ĐỊNH CHẾ NỘI BỘ

Dự thảo Điều lệ của Công ty Hợp nhất được ĐHĐCĐ Các Bên biểu quyết thông qua theo quy định của pháp luật. Dự thảo Điều Lệ sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua sẽ trở thành Điều lệ chính thức của Công Ty Hợp Nhất kể từ Ngày Hợp nhất.

ĐIỀU 11. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 11.1 Các Bên cam kết hỗ trợ nhau trong việc thực hiện các nội dung của Hợp Đồng này, nếu có tranh chấp các bên phải cùng nhau bàn bạc tìm cách giải quyết tốt nhất trên tinh thần hợp tác đôi bên cùng có lợi.
- 11.2 Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này.

ĐIỀU 12. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- 12.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi được đại diện có thẩm quyền của Các Bên ký.
- 12.2. Hợp đồng này chấm dứt trong những trường hợp sau:
 - a) Giao Dịch Hợp Nhất đã hoàn tất theo quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng này; hoặc
 - b) Theo thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên về việc chấm dứt Hợp Đồng; hoặc
 - c) Theo yêu cầu của Bên A hoặc Bên B nếu các điều kiện cho Giao Dịch Hợp Nhất không đáp ứng do việc vi phạm nghĩa vụ, cam kết và đảm bảo của Một Bên, trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ Ngày Ký Kết; hoặc
 - d) Một hoặc Các Bên bị giải thể, phá sản theo quy định pháp luật.
- 12.3. Trong trường hợp Hợp đồng này bị chấm dứt theo các quy định nêu trên, ngoại trừ việc Một Bên yêu cầu chấm dứt theo quy định tại Điều 12.2.(c), Mỗi Bên sẽ tự chịu tất cả các chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt Hợp Đồng này.
- 12.4. Trong trường hợp Hợp đồng này bị Một Bên chấm dứt theo quy định tại Điều 12.2.(c) thì Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường cho Bên kia bất kỳ khoản mất mát, thiệt hại nào do hành vi vi phạm Hợp đồng của mình gây ra bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các khoản chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt Hợp đồng này.

ĐIỀU 13: CÔNG BỐ THÔNG TIN

- 13.1. Sau khi ĐHĐCĐ Mỗi Bên thông qua việc hợp nhất và các tài liệu hợp nhất, Mỗi Bên có nghĩa vụ tự mình công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

- 13.2. Công ty Hợp nhất phải tiến hành thủ tục công bố thông tin liên quan đến việc hình thành pháp nhân mới đến các cơ quan Nhà nước có liên quan theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 14: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 14.1. Hợp đồng này sẽ thay thế mọi kết quả thoả thuận, đàm phán, biên bản ghi nhớ trước đây giữa các Bên liên quan đến Giao Dịch Hợp Nhất theo Hợp đồng này. Các kết quả thoả thuận, đàm phán, biên bản ghi nhớ này sẽ chấm dứt hiệu lực từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực.
- 14.2. Nếu bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là vô hiệu hoặc trái quy định của pháp luật hoặc không có hiệu lực thi hành vì bất kỳ lý do gì, điều khoản đó sẽ bị loại ra khỏi Hợp Đồng với điều kiện là việc loại ra đó không ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoặc làm thay đổi cơ bản nội dung Hợp đồng này. Các Bên sẽ đàm phán trên tinh thần hợp tác để thoả thuận lại các điều khoản này. Các vấn đề chưa được quy định trong Hợp đồng này sẽ được Các Bên xử lý theo thoả thuận giữa Các Bên hoặc theo quy định của pháp luật.
- 14.3. Các Bên cam kết hỗ trợ nhau trong việc thực hiện các nội dung của Hợp đồng này, nếu có gì vướng mắc các bên phải cùng nhau bàn bạc tìm cách giải quyết tốt nhất trên tinh thần hợp tác đôi bên cùng có lợi. Trong trường hợp các Bên thương lượng không thành trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền vào thời điểm đó.
- 14.4. Không Bên nào được chuyển giao hoặc uỷ quyền thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền, lợi ích, hoặc nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng này hoặc liên quan tới Hợp đồng này mà không được đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia. Hợp đồng này sẽ có giá trị ràng buộc và có hiệu lực đối với Các Bên trong Hợp đồng này và những bên kế thừa hoặc nhận chuyển nhượng được phép.
- 14.5. Tất cả các thông báo và liên lạc khác dưới đây phải được lập thành văn bản và sẽ được coi là đã được chuyển đến nếu được gửi với tư cách cá nhân hoặc gửi bằng dịch vụ chuyển phát thương mại, hoặc gửi qua máy fax (có chứng từ xác nhận) cho Các Bên theo các địa chỉ hoặc số fax (hoặc theo địa chỉ hoặc số fax khác cho một Bên được ghi rõ trong một thông báo bằng văn bản):

Gửi cho Bên A:

Địa chỉ: _____ Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: _____

Fax: _____

Người liên hệ: Ông Phạm Thành Đông

Gửi cho Bên B:

Địa chỉ: _____ Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: _____

Fax:

Người liên hệ: Ông Nguyễn Xuân Lập

- 14.6. Mọi sửa đổi, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được lập bằng văn bản; được Hội Đồng Quản Trị (theo sự ủy quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông) của Các Bên xem xét, quyết định và phê chuẩn; và được đại diện có thẩm quyền của các Bên ký kết thông qua.
- 14.7. Các phụ lục đính kèm Hợp đồng này là một phần không tách rời của Hợp đồng.
- 14.8. Hợp đồng này làm thành 06 (sáu) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, Mỗi Bên giữ 03 (ba) bản để thực hiện.

ĐỂ GHI NHẬN CÁC THỎA THUẬN TRONG HỢP ĐỒNG NÀY, đại diện của Các Bên ký kết một cách hợp lệ vào ngày được ghi tại trang đầu tiên của Hợp đồng này.

**ĐẠI DIỆN CHO
CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN CAO SƠN - VINACOMIN
GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN CHO
CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN
Q. GIÁM ĐỐC**

PHẠM THÀNH ĐÔNG

VŨ TRỌNG TUẤN



ĐIỀU LỆ
Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV (dưới đây gọi là “Công ty”)
2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được xây dựng trên cơ sở:
 - Luật doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số: 95/2017/TT - BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
3. Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường của các công ty tham gia hợp nhất:
4. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty. Các quy định của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và Điều lệ này, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành các hoạt động kinh doanh.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) "Hội đồng" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty được viết tắt là “HĐQT”;
 - b) "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam;
 - c) “Vốn điều lệ” có nghĩa là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc do tất cả các cổ đông đóng góp, hoặc đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp;
 - d) "Luật doanh nghiệp" có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

d) "Luật chứng khoán" có nghĩa là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 26/6/2006; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;

e) "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

h) "Người quản lý Công ty" có nghĩa là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này;

i) "Người điều hành Công ty" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế Toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

k) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp; Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán;

l) "Cổ đông" có nghĩa là mọi tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty và phải được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông;

m) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 9, Điều 6, Luật Chứng khoán;

n) "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;

o) "Thời hạn hoạt động" có nghĩa là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

p) "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trường hợp các văn bản pháp quy điều chỉnh các nội dung liên quan đến Điều lệ này bị sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản pháp quy đó. Đại hội đồng cổ đông lần gần nhất sau đó phải sửa lại Điều lệ cho phù hợp.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên công ty:

a) Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV;

b) Tên tiếng Anh: CAO SON COAL JOINT STOCK COMPANY;

c) Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV;

d) Tên viết tắt:

2. Công ty có biểu tượng riêng như sau:

3. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Công ty là công ty con của Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam do Tập đoàn chi phối thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty, thông qua thương hiệu của Tập đoàn hoặc thông qua các quyền chi phối khác theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn. Tài nguyên, trữ lượng than do Công ty đang khai thác là tài sản thuộc sở hữu Nhà nước giao cho Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam là đại diện chủ sở hữu Nhà nước thống nhất quản lý và không tính vào giá trị tài sản của Công ty. Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam giao cho Công ty quản lý tài nguyên, trữ lượng than này và hằng năm Công ty khai thác than cho Tập đoàn theo Hợp đồng kinh tế về việc phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn và Công ty.

5. Công ty được phép sử dụng nhãn hiệu “TKV” và “VINACOMIN” của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ở tên gọi của Công ty bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo Quy chế sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và quy định của pháp luật .

Ngoài các quy định trong Điều lệ này, Công ty có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty con đối với Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy chế quản lý trong nội bộ Tập đoàn mà Công ty là một thành viên.

6. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

- Điện thoại:

- Fax:

- Website:

7. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

8. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 55 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 Người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Công ty. Người đại diện theo pháp luật có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định hiện hành của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 4. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là tối đa hoá các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

a) Tại thời điểm hợp nhất, ngành nghề kinh doanh của công ty bao gồm:

STT	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất	Mã ngành KTQD
1	Khai thác và thu gom than cứng (chính)	0510
2	Khai thác và thu gom than non	0520
3	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
4	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
5	Xây dựng công trình công ích khác	4229
6	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
7	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
8	Chuẩn bị mặt bằng	4312
9	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
10	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	2592
11	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
12	Xây dựng công trình đường sắt	4211
13	Xây dựng công trình đường bộ	4212
14	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
15	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
16	Phá dỡ	4311
17	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
18	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
19	Xây dựng nhà để ở	4101
20	Xây dựng nhà không để ở	4102
21	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
22	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
23	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
24	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

STT	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất	Mã ngành KTQD
25	Truyền tải và phân phối điện	3512
26	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
27	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
28	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
29	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
30	Sửa chữa thiết bị điện	3314
31	Sửa chữa thiết bị khác	3319
32	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313

b) Công ty có thể bổ sung các ngành nghề kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp (hoặc quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương II VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ:

a) Vốn điều lệ của Công ty là 428.467.730.000 VNĐ (Bốn trăm hai mươi tám tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng). Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 42.846.773 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/ 01 cổ phần.

b) Công ty có thể thay đổi mức vốn điều lệ (tăng, giảm vốn điều lệ) khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật;

2. Cổ phần:

a) Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 của Điều lệ này;

b) Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật;

c) Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông khi được Đại hội cổ đông cổ đông thông qua;

d) Chào bán cổ phần:

- Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ;

- Chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ được thực hiện theo một trong các hình thức quy định tại Khoản 2, Điều 122 Luật Doanh nghiệp gồm:

(i) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu.

(ii) Chào bán ra công chúng.

(iii) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

- Việc chào bán cổ phần của Công ty thực hiện theo các quy định tại các Điều 122, 123, 124 của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật về chứng khoán;

- Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá;

đ) Bán cổ phần

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp quy định tại điều 125 Luật Doanh nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

e) Mua lại cổ phần

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định tại Điều 130 Luật Doanh nghiệp. Cổ phần được Công ty mua lại theo quy định tại Điều 129, 130 Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán (cổ phiếu quỹ) theo quy định tại Khoản 4, Điều 111 Luật Doanh nghiệp. HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan. Trường hợp HĐQT không thực hiện chào bán, Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

g) Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

h) Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty đối với nhà đầu tư nước ngoài nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán, sổ đăng ký cổ đông

1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

2. Sổ đăng ký cổ đông:

a) Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi khác có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở chính của Công ty.
- Tổng số cổ phần được quyền phát hành, loại cổ phần được quyền phát hành và tổng số cổ phần được quyền phát hành của từng loại.
- Tổng số cổ phần đã phát hành từng loại và giá trị vốn của cổ phần đã góp.
- Tên cổ đông được sắp xếp theo vần chữ cái, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

b) Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập và lưu trữ bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc nơi khác nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết. Các cổ đông có quyền xem xét và nhận được bản sao danh sách cổ đông Công ty trong giờ làm việc tại nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.

3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền biểu quyết, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp), tất cả các cổ phần chuyển nhượng đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường, hoặc theo bất kỳ cách nào mà HĐQT có thể chấp nhận. Cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phải được chuyển nhượng thông qua Sở giao dịch chứng khoán phù hợp với các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông (trừ trường hợp bên chuyển nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự Đại hội cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật Doanh nghiệp).

4. Trong trường hợp một cổ đông bị chết hoặc được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là mất tích, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết, người mất tích sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết, đã mất tích khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ. Trường hợp cổ phần của cổ đông bị chết, mất tích mà không có người thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

Điều 10. Thu hồi và thanh toán mua cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Nếu sau thời hạn quy định, cổ đông chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán được một phần số cổ phần đã đăng ký mua thì thực hiện như sau:

a) Cổ đông chưa thanh toán toàn bộ số cổ phần đã đăng ký mua sẽ đương nhiên không còn là cổ đông của Công ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác;

b) Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua sẽ có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán; không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác;

c) Số cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu tại điểm 2 Điều này không được thực hiện và quyết định phương án xử lý tiếp theo;

5) Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần có quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

6. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn VNĐ tại ngân hàng mà Công ty mở tài khoản) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

7. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

8. Cổ đông chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh cho đến khi cổ phần bị thu hồi.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
3. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
4. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Mục 1:

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông được quyền đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
3. Cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (bỏ phiếu từ xa) hoặc hình thức điện tử khác. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức tương ứng theo số cổ phần sở hữu tùy thuộc vào kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 8 Điều lệ này;

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu, trừ trường hợp đại hội đồng cổ đông quyết định bán cổ phần cho các cổ đông mới;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

g) Xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí), và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

j) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 129 của Luật doanh nghiệp;

k) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật;

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (Năm phần trăm) trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 (Sáu) tháng trở lên, có các quyền sau:

a) Đề cử các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 2 Điều 25, Khoản 2 Điều 36 Điều lệ này;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;

d) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

đ) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước/giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e) Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;

g) Các quyền khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

5. Quyền của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật;

6. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Công ty.

2. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký theo quy định; không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì các thành viên HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định và Điều lệ này.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;

7. Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

a) Công đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần và phải họp trong thời hạn bốn (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký kinh doanh (hoặc cấp có thẩm quyền) có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp nhưng phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và dự toán ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán dự đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:

a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập được chỉ định đề nghị thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và HĐQT cũng nhận thấy như vậy;

c) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

d) Khi số thành viên của HĐQT, thành viên HĐQT độc lập, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ này;

d) Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ

đồng liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, và tập hợp đầy đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

c) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý, điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 của Luật doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên HĐQT độc lập, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên nêu tại điểm d, c khoản 3 Điều này, hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm b, đ khoản 3 Điều này;

Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty;

b) Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp như quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, thì trong vòng 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5, Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty (nếu có);

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều này, thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm đ, khoản 3 của Điều này có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký doanh nghiệp giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Người triệu tập phải lập và chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này;

đ) Tất cả các chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a) Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán;
- b) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên HĐQT;
- c) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT và Giám đốc Công ty;
- d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên;
- d) Định hướng, kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định, nghị quyết bằng văn bản về các vấn đề sau:

- a) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- c) Lựa chọn công ty kiểm toán;
- d) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Bầu, bãi miễn, thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
- e) Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát;
- g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đó phù hợp với quy định của pháp luật; và trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do Công ty mua lại cổ phần theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nhưng không thực hiện chào bán;
- h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập cho người không phải là cổ đông sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập.
- i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- k) Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định Ban/Người thanh lý;
- l) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

m) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

n) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

o) Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại được chào bán;

p) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những người được quy định tại Khoản 1, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

q) Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm p Khoản 2 Điều này nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng hay giao dịch;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan đến cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khởp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật;

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;

Điều 16. Đại diện theo uỷ quyền

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại khoản 4 Điều này thì uỷ quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Đại diện được uỷ quyền nhất thiết phải là cổ đông.

2. Việc chỉ định đại diện được uỷ quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp;

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông;

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;

d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện;

đ) Thời hạn đại diện theo ủy quyền;

e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông;

Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo;

5. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

Tuy nhiên, quy định này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp nêu trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại;

6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

7. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
- c) Thành viên, cổ đông là Công ty cổ phần vốn góp hay cổ phần do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty khác;

8. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý của tổ chức cử người đại diện theo ủy quyền hoặc theo yêu cầu của cá nhân ủy quyền.

9. Cổ đông được coi làm tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.

2. Việc tổ chức một cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu tại Khoản 1 Điều này chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều

có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

2. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b, hoặc điểm c, Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

3. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị các tài liệu cho Đại hội phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h) Các công việc khác phục vụ Đại hội;

4. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp công ty đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm

nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 4 của Điều này, nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% trở lên cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi, thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định ở Khoản 5 Điều này. Kiến nghị sẽ được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

8. Hội đồng quản trị hoặc người có thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các trường hợp quy định tại điểm b, hoặc tại điểm c, Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội đồng cổ đông lần thứ hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất dự kiến phê chuẩn.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Thời gian thực hiện việc đăng ký do HĐQT quyết định. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

2. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp Đại hội để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết không thay đổi.

3. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

a) Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất

khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được Chủ tọa thì Trưởng ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa đề cử một hoặc một số thư ký để lập biên bản đại hội;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa; Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa;

4. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

5. Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình của Đại hội. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

7. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc. Tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ

quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội;

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm Đại hội có thể:

a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);

b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

13. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty (kế hoạch ngắn hạn và dài hạn);
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Miễn nhiệm, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng số giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

g) Thông quá báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

h) Tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty; chia tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại;

b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty về mô hình hoạt động quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp;

d) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

đ) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;

g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (trừ các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều này) được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều 39 Điều lệ này.

6. Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (trừ các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 21 Điều lệ này phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông). Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

d) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi Fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua Fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi Fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các vấn đề đã được thông qua;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu;

Các thành viên Hội đồng quản trị và người kiểm phiếu, giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ, trường hợp Công ty chưa có website thì phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty, có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải có các nội dung theo quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ tọa đại hội và Thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp; phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ, trường hợp Công ty chưa có website thì phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

3. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản, chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, các bản ghi chép, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp và chữ ký của các cổ đông dự họp, văn bản uỷ quyền tham dự, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4, Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7, Điều 21 Điều lệ này.

2. Trình tự, thủ tục ra nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Mục 2 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang

thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- đ) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Giới thiệu, đề cử vào Hội đồng quản trị

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 26. Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ của thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) đến bảy (07) người do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành

viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

a) Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành;

b) Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố về giới tính;

c) Trường hợp nếu Công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán, cần phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

5. Một thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT nữa theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;

b) Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

d) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 06 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Bị bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa;

h) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

i) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

k) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống bất ngờ phát sinh trong HĐQT và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ

của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trong việc quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi miễn Chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Giám đốc Công ty và các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trên cơ sở Quy chế quản lý của Công ty và theo đề nghị của Giám đốc; Quyết định cử người đại diện thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác cùng với mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành Công ty không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

d) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán theo đề nghị của Giám đốc Công ty;

đ) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

Đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền. Quyết định tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải

thể, chuyển đổi Công ty, quyết định Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý, cán bộ điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đó;

g) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; Quyết định tiến độ huy động vốn điều lệ của Công ty. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp;

h) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

i) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;

l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

m) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch được ký giữa Công ty và những đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 162 Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

n) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm m, Khoản 2 Điều 15 Điều lệ này, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp;

o) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

p) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

q) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

r) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông biết việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc;

s) Được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty (nếu có);

t) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định;

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn

a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty; thành lập các Công ty con của Công ty (nếu có);

b) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty;

c) Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;

d) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

đ) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc vượt quá giá trị kế hoạch; hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

e) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty quy định tại điểm d, khoản 3 Điều này và điểm n, khoản 2 Điều 15 tại những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

g) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

h) Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại, bao gồm cả mức giá mua hoặc thu hồi;

i) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận của các thành viên HĐQT trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k) Quyết định mức giá mua lại, thu hồi cổ phần hoặc giá bán cổ phần của Công ty;

5. HĐQT phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.

6. HĐQT có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty, trừ khi luật pháp có quy định khác.

7. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Các thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thù lao của thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Tổng số tiền trả cho các thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

3. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch HĐQT), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

4. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn và bầu một thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm nhiệm chức Giám đốc Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 152 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập cuộc họp HĐQT;
- c) Tổ chức việc thông qua Nghị quyết HĐQT;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT;
- đ) Chủ tọa cuộc họp HĐQT, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm dự thảo, chủ trì việc thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT Công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT.

Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó, Hội đồng quản trị phải bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị tại cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT, đồng thời ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp định kỳ.

Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải triệu tập và gửi thông báo mời họp HĐQT định kỳ và bất thường chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp, lập chương trình nghị sự, xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Các cuộc họp bất thường.

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
- c) Có đề nghị ít nhất 02 thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị tiến hành trong thời hạn 07 ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp.

Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của HĐQT.

7. Thông báo và chương trình họp.

a) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp, đồng thời có thể gửi Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT; các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT.

b) Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu.

a) Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại điểm a Khoản 8 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai

trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

c) Nếu không đủ số lượng thành viên như vậy thì cuộc họp HĐQT sẽ được tổ chức lại lần thứ ba vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian, khi đó cuộc họp HĐQT luôn là hợp lệ mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên tham dự;

9. Biểu quyết.

a) Trừ trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT liên quan đến những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại Điểm d, Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 5, Điều 41 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

đ) Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT quản trị có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Công khai lợi ích.

Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai lợi ích này trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT thảo luận, xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên

quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

13. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác.

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận, trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết bằng văn bản.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết, Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Biên bản cuộc họp HĐQT.

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công

việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh có các nội dung chủ yếu theo Điều 154 Luật Doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự và người ghi biên bản. Cuộc họp HĐQT có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

16. Những người được mời họp dự thính.

Người phụ trách quản trị (Thư ký) Công ty, Giám đốc điều hành, các Kiểm soát viên, những cán bộ điều hành khác (nếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị) và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban, cụ thể Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm soát nội bộ. Thành viên của tiểu ban có ít nhất ba (03) người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Công ty; Có khả năng tổng hợp, sử dụng thành thạo tin học, và các thiết bị văn phòng;

d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị;

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

g) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

h) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Được hưởng thù lao (phụ cấp) theo quyết định của Hội đồng quản trị;

l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

Mục 3 **GIÁM ĐỐC CÔNG TY,** **VÀ CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY**

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty thiết lập và ban hành hệ thống quản lý đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, một số Phó giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm theo Quy chế quản lý của Công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức. Giám đốc và các Phó giám đốc Công ty có thể đồng thời cùng là thành viên HĐQT.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được quyền tuyển dụng, sử dụng cán bộ điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù

hợp với cơ cấu và cơ chế quản lý Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Cán bộ điều hành Công ty phải có sự miễn cưỡng cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các chế độ chính sách khác đối với Giám đốc Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với cán bộ điều hành khác sẽ do HĐQT quyết định trên cơ sở đề xuất của Giám đốc.

4. Tiền lương của Giám đốc và cán bộ điều hành khác của Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, bãi miễn, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Bổ nhiệm.

HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc Công ty và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về tiền lương, thù lao, và lợi ích khác của Giám đốc Công ty phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ.

Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 (năm) năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động (nếu có).

3. Tiêu chuẩn.

Giám đốc Công ty phải có tiêu chuẩn theo Điều 65 Luật Doanh nghiệp và không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ.

a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng và giao dịch tài chính và thương mại theo thẩm quyền hoặc các hợp đồng, giao dịch đã được

HDQT, Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của Điều lệ này, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương của Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, các cán bộ điều hành khác theo Quy chế quản lý của Công ty và cử, bãi miễn người đại diện quản lý phần vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác;

d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương, cho nghỉ chế độ đối với các chức danh cán bộ, nhân viên trong Công ty không thuộc diện phải trình HDQT phê chuẩn (đối với những chức danh cần phải được sự thông qua của HDQT thì chỉ được quyết định sau khi đã báo cáo và được HDQT thông qua);

đ) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động của Công ty. Tuyển dụng lao động, ký kết hợp đồng lao động, bố trí sử dụng, quyết định lương và phụ cấp (nếu có), khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ hoặc cho thôi việc người lao động trong Công ty theo quy định của pháp luật về lao động và quy chế của Công ty;

e) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty, góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác; đề nghị phê duyệt các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Đề nghị thông qua đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền;

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h) Xây dựng dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty để trình HDQT;

i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

k) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình HDQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và phù hợp với kế hoạch tài chính 05 năm;

l) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật;

m) Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ này hoặc trái với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát;

n) Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn, sự cố bất khả kháng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;

o) Thực hiện trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp;

5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

6. Bãi nhiệm.

HĐQT có thể bãi nhiệm Giám đốc Công ty khi có đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc Công ty mới thay thế. Giám đốc Công ty bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

7. Từ nhiệm hoặc mất tư cách.

a) Khi muốn từ nhiệm, Giám đốc Công ty phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải xem xét và quyết định;

b) Giám đốc Công ty mất tư cách khi bị chết, mất trí, mất quyền công dân hoặc tự ý bỏ nhiệm sở 03 ngày trở lên. Trong trường hợp này, HĐQT phải tạm cử người thay thế không quá 30 ngày và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Giám đốc mới;

8. Ủy quyền, ủy nhiệm.

a) Giám đốc Công ty có thể ủy quyền hoặc ủy nhiệm cho các Phó giám đốc hoặc người khác thay mình giải quyết một số phần việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền hoặc ủy nhiệm đó;

b) Người được ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc Công ty và pháp luật về những công việc mình làm.

c) Sự ủy quyền, ủy nhiệm liên quan đến con dấu của Công ty phải được thực hiện bằng văn bản và có thời hạn;

Mục 4 **BAN KIỂM SOÁT**

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- đ) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý, điều hành khác;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Giới thiệu, đề cử vào Ban kiểm soát.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục và cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 05 (năm) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó;

3. Ban kiểm soát phải bầu một Kiểm soát viên làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty, không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính và không phải là Giám đốc tài chính của Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu HĐQT, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý, điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi miễn trong các trường hợp sau:

a) Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên hoặc không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

b) Kiểm soát viên đó có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính Công ty và được chấp thuận;

c) Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d) Kiểm soát viên đó không thực hiện nghĩa vụ của mình, vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

e) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa;

h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, điều lệ này;

5. Kiểm soát viên có thể được thay thế khi có chỗ trống bất ngờ phát sinh. Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc thay thế Kiểm soát viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát thay thế. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc thay thế có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và bãi nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

7. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, và người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

b) Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động giám sát và thực hiện các nhiệm vụ được giao;

c) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

d) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

e) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này;

g) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

h) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

i) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và người điều hành khác vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

k) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

l) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban điều hành, quản lý Công ty; xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban điều hành, quản lý Công ty;

m) Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập hoặc bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

n) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Tham dự các cuộc họp của HĐQT theo giấy mời, phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết;

p) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

2. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát;

c) Người phụ trách quản trị (Thư ký) Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản, nghị quyết họp Hội đồng quản trị, họp Đại hội đồng cổ đông sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

đ) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý, điều hành và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

e) Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị liên quan đến kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;

3. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên:

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c của Khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó;

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm c Khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty;

đ) Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban

kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

4. Cuộc họp của Ban kiểm soát:

a). Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký (nếu có) và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên và các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên;

b) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

5. Tiền lương hoặc mức thù lao và chi phí hoạt động cho Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quy định và được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn, ở, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Mục 5:

BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 39. Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty sẽ thông báo cho các cổ đông dự họp về thông tin trên tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 12 được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định tại các Khoản 2 Điều 25 và Khoản 2 Điều 36 tương ứng. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng

với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Những người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

5. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đã được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ toạ Đại hội quyết định.

6. Danh sách nhân sự trúng cử bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và tuân thủ Quy chế bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát được xác định là kết quả cuối cùng của ĐHĐCĐ.

Mục 6

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác, hoặc các cá nhân, tổ chức liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cán bộ điều hành đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc phê chuẩn. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác, các cá nhân và tổ chức có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường.

Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, cán bộ điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình;

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương IV QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do đại

diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện, hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản, nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, các báo cáo của HĐQT và Ban kiểm soát, báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ, tài liệu này.

4. Mọi cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí (trường hợp Công ty chưa có website). Nếu Công ty có website, Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

Chương V **CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC** **CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY**

Điều 44. Công nhân viên, công đoàn và tổ chức chính trị - xã hội

1. Giám đốc Công ty phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ điều hành Công ty.

2. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Tổ chức công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ của các tổ chức đó.

4. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn trong việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này; tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.

Chương VI **PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận trước thuế của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước (nếu có) theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ (nếu có) theo quy định, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật phần còn lại được sử dụng như sau:

a) Chia cổ tức;

b) Trích lập quỹ theo quy định hiện hành của pháp luật;

2. Mức cổ tức, hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty và tỷ lệ trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của HĐQT.

Điều 46. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. HĐQT có thể quyết định thanh toán tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. HĐQT có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng cổ phần và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này. Công ty có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần, trình tự và thủ tục thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phần thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VII TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai của năm đó, nếu lớn hơn 90 ngày; trường hợp nhỏ hơn 90 ngày thì được cộng vào năm tài chính tiếp theo.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và chế độ kế toán doanh nghiệp và chế độ kế toán áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng Đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương VIII

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 50. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan đăng ký kinh doanh và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm, Công ty còn phải lập bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp và Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam.

Điều 52. Công khai thông tin

Công ty phải lập và công bố công khai thông tin theo quy định tại Điều 171 của Luật Doanh nghiệp.

Chương IX KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Một bản sao của Báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Chương X CON DẤU

Điều 54. Con dấu

1. HĐQT thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. HĐQT, Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XI CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 55. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b) Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định;

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo đến cơ quan có thẩm quyền hoặc xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc theo quy định).

Điều 56. Thanh lý

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày mà Ban được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động trên thực tế. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- đ) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục a đến đ trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước;

Chương XII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a) Cổ đông với Công ty; hoặc
- b) Cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hay cán bộ điều hành khác;

Thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT thì Chủ tịch Hội đồng sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát hoặc một cơ quan chức năng chuyên môn chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án sẽ do tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 59. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm 13 chương và 59 điều được Đại hội đồng cổ đông các Công ty cổ phần tham gia hợp nhất nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2019 tại Phường Cẩm Sơn - Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- 01 bản nộp Phòng công chứng nhà nước địa phương.
- 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;
- 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty;

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày 10 tháng 12 năm 2019

/TTr-HĐQT

TỜ TRÌNH

***V/v: BẦU THÀNH VIÊN, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC;
THÀNH VIÊN, TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY HỢP NHẤT***

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin

- + Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- + Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/04/2018;
- + Quyết định số 2006/QĐ-TTg ngày 12/12/2017 phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2017 – 2020;

❖ **Hội đồng quản trị CTCP Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc; Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát Công ty hợp nhất nhiệm kỳ 05 năm (kể từ ngày công ty hợp nhất chính thức hoạt động), cụ thể như sau:**

Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên được bầu:

- + Chủ tịch HĐQT (phải là thành viên HĐQT): 01 người;
 - + Thành viên HĐQT: 04 người;
 - + Giám đốc công ty: 01 người;
 - + Trưởng BKS (phải là thành viên BKS): 01 người;
 - + Thành viên BKS: 05 người;
 - + Nhiệm kỳ: 05 năm, kể từ ngày công ty hợp nhất chính thức hoạt động
-
- + Số lượng ứng cử viên: không hạn chế
 - + Tiêu chuẩn và điều kiện: Theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp 2014.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

(Tài liệu ĐHCĐ bất thường 2019).

HOÀNG MINH HIỂU

QUYẾT ĐỊNH

V/v cử Người đại diện của TKV tham gia Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát khi hợp nhất Công ty cổ phần Than Cao Sơn- TKV

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN- KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số 105/2018/NĐ-CP ngày 08/8/2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2006/QĐ- TTg ngày 12/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2017- 2020

Căn cứ Kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn (tại thông báo số 1521- TB/ĐU ngày 28/11/2019);

Căn cứ Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐTV ngày 28/11/2019 của Hội đồng thành viên Tập đoàn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử Người đại diện của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam (TKV) tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Cao Sơn- TKV (Công ty được hình thành khi hợp nhất Công ty cổ phần Than Cao Sơn- Vinacomin và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài- Vinacomin), như sau:

1. Tham gia Hội đồng quản trị:

- Cử ông Vũ Văn Khẩn làm Người đại diện quản lý phần vốn của TKV, giới thiệu tham gia Hội đồng quản trị và ứng cử giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

- Cử ông Phạm Thành Đông, Giám đốc Công ty cổ phần Than Cao Sơn- Vinacomin làm Người đại diện của TKV, giới thiệu tham gia Hội đồng quản trị và ứng cử giữ chức Thành viên Hội đồng quản trị- Giám đốc Công ty.

- Cử ông Vũ Trọng Tuấn, Quyền Giám đốc Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài- Vinacomin làm Người đại diện của TKV, giới thiệu tham gia Hội đồng quản trị và ứng cử giữ chức Thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

2. Tham gia Ban kiểm soát:

- Cử bà Nguyễn Lan Chi, Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Cao Sơn- Vinacomin làm Người đại diện của TKV, giới thiệu tham gia Ban Kiểm soát và ứng cử giữ chức Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách Công ty.

- Cử bà Nguyễn Thị Lịch, Phó trưởng ban Kiểm soát nội bộ Tập đoàn (Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài- Vinacomin) làm Người đại diện của TKV, giới thiệu tham gia Ban kiểm soát và ứng cử giữ chức Thành viên Ban kiểm soát Công ty.

- Cử bà Dương Thị Thu Phong, Phó trưởng ban Kế hoạch Tập đoàn (Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài- Vinacomin) làm Người đại diện của TKV, giới thiệu tham gia Ban Kiểm soát và ứng cử giữ chức Thành viên Ban kiểm soát Công ty.

Điều 2. Người đại diện quản lý phần vốn của TKV tại Công ty cổ phần Than Cao Sơn- Vinacomin, Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài- Vinacomin có trách nhiệm biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông khi họp nhất 02 đơn vị để cử Người đại diện của TKV như nội dung ghi tại Điều 1.

Điều 3. Tổng giám đốc TKV, Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty cổ phần Than Cao Sơn- Vinacomin, Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài- Vinacomin và các cán bộ có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *M&S*

- Đảng ủy, HĐTV TKV (Ecopy);
- Các PTGD, KTTT TKV (Ecopy);
- Ban Kiểm soát TKV (Ecopy);
- Đảng ủy Than Quảng Ninh, Công đoàn TKV;
- Các cán bộ có tên tại Điều 1;
- Văn phòng, các Ban TKV (Ecopy);
- Phòng KTCQ (Ecopy);
- HĐQT Công ty Cao Sơn, Tây Nam Đá Mài;
- Lưu HSCN, VT, TCNS (Hg.5)

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH



Lê Minh Chuẩn



Quảng Ninh, ngày 20 tháng 12 năm 2019

**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ
THÀNH VIÊN, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC;
THÀNH VIÊN, TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY HỢP NHẤT**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68 Quốc hội khóa 13 kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường 2018 thông qua ngày 26/04/2018;

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc; Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 05 (năm) năm của Công ty hợp nhất tại Đại hội đồng cổ đông bất thường 2019 của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin
- Công ty hợp nhất : Công ty hợp nhất của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin
- HĐQT : Hội đồng quản trị Công ty hợp nhất
- BKS : Ban kiểm soát Công ty hợp nhất
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông bất thường 2019
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền

II. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử vào HĐQT;
- Giới thiệu danh sách đề cử vào BKS;
- Giới thiệu danh sách đề cử vào Giám đốc Công ty;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

III. Nguyên tắc bầu cử

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào HĐQT, BKS, Giám đốc Công ty.

IV. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc Công ty

4.1. Số lượng, nhiệm kỳ

- Chủ tịch HĐQT (phải là thành viên HĐQT): 01 người;
- Thành viên HĐQT: 04 người;
- Trưởng BKS (phải là thành viên BKS): 01 người;
- Thành viên BKS: 05 người;
- Giám đốc công ty: 01 người.
- Nhiệm kỳ: 05 năm, kể từ ngày công ty hợp nhất chính thức hoạt động.
- Số lượng ứng cử viên Chủ tịch - thành viên HĐQT; Giám đốc; Trưởng ban – thành viên BKS: không hạn chế.

4.2. Tiêu chuẩn, điều kiện

- **Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT** (Theo quy định tại Điều 25 - Điều lệ Công ty 2018):
 - + Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
 - + Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;
 - + Thành viên HĐQT công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác;
 - + Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty. Thành viên HĐQT độc lập là thành viên HĐQT có các tiêu chuẩn và điều kiện theo khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp.
- **Tiêu chuẩn và điều kiện làm Chủ tịch HĐQT:**
 - + Có đầy đủ điều kiện là thành viên HĐQT;
 - + Phải là thành viên HĐQT.
- **Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS** (Theo quy định tại Điều 37 - Điều lệ Công ty 2018):
 - + Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
 - + Thành viên BKS không được giữ các chức vụ quản lý công ty, không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác; Thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
 - + Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- **Tiêu chuẩn và điều kiện làm Trưởng BKS:**
- + Có đầy đủ điều kiện là thành viên BKS;
- + Phải là thành viên BKS.
- **Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc công ty**
- + Đáp ứng tiêu chuẩn theo Điều 65 Luật Doanh nghiệp;
- + Không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

V. Đề cử ứng viên

5.1. Đề cử ứng viên HĐQT (Theo quy định tại Điều 25 - Điều lệ Công ty 2018)

- Các cổ đông nắm giữ ít hơn 5% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
- Cổ đông Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) được quyền đề cử đa số (trên 50%) số ứng viên HĐQT.

5.2. Đề cử ứng viên BKS (Theo quy định tại Điều 36 - Điều lệ Công ty 2018)

- Các cổ đông nắm giữ ít hơn 5% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
- Cổ đông Tập đoàn Than- Khoáng sản Việt Nam (TKV) được quyền đề cử đa số (trên 50%) số ứng viên BKS.

5.3. Đề cử ứng viên Giám đốc công ty

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử một (01) ứng viên giữ chức vụ Giám đốc công ty.

VI. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT, BKS, Giám đốc Công ty

6.1. Hồ sơ đề cử, ứng cử

- Các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc Công ty quy định tại mục IV và mục V có thể làm hồ sơ để ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT, BKS, Giám đốc Công ty.
- Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên bao gồm:
 - Đơn xin đề cử hoặc ứng cử

- Sơ yếu lý lịch ứng viên có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương;
 - Bản sao các giấy tờ sau: CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú (nếu có)
 - Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có)
 - Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo Quy chế này quy định.
- Người đề cử/ ứng cử phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

6.2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử, ứng cử

- Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về trước 16h30 ngày 19/12/2019.

Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin

Địa chỉ: Tổ 16, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: (0203) 3 862 229 hoặc 0969.628.989

Email: duongnatndm@gmail.com

VII. Danh sách ứng cử viên

- Dựa vào Hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách ứng viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu HĐQT, BKS, Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 05 năm của Công ty hợp nhất.
- Danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS, Giám đốc Công ty được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

VIII. Phương thức bầu cử

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (*Theo Điều 144 - Luật Doanh nghiệp và Điều 39 - Điều lệ Công ty*);
- Theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS, Giám đốc được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử;
- Đại biểu có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cho một người hoặc một số người, nhưng không quá số thành viên đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

IX. Phiếu bầu cử

1. Nội dung của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/ hoặc đại diện, có đóng dấu treo của Công ty;
- Mỗi đại biểu sẽ được phát 01 Phiếu bầu thành viên HĐQT, 01 Phiếu bầu thành viên BKS và 01 Phiếu bầu Giám đốc Công ty. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

2. Cách ghi Phiếu bầu cử

- Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
- + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử;
- + Đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của ứng viên tương ứng;
- + Đại biểu có thể ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng, số phiếu này có thể nhỏ hơn số lượng cổ phần mà đại biểu sở hữu hoặc được nhận ủy quyền;
- + Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
 - + Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
 - + Gạch tên các ứng cử viên;
 - + Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
 - + Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc được Đại hội đồng cổ đông thông qua để bầu nhiệm kỳ 05 năm của Công ty hợp nhất;
 - + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
 - + Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
 - + Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

4. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

- Trong trường hợp có sự sai sót, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
- Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát. Phiếu bầu cử phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của BKS hoặc đại diện cổ đông.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ toạ giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của đại biểu (nếu có).
- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

5. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên (Theo Điều 144 - Luật Doanh nghiệp và Khoản 4, Điều 39 – Điều lệ công ty)

- Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT, BKS, Giám đốc thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đã được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ tọa Đại hội quyết định.
- Người trúng cử chủ tịch HĐQT, trưởng BKS được xác định theo số phiếu bầu cao nhất tính từ cao xuống thấp;
- + Ứng viên trúng cử chức vụ Chủ tịch HĐQT là người có số lượng phiếu bầu cao nhất trong số ứng viên trúng cử HĐQT;
- + Ứng viên trúng cử chức vụ Trưởng BKS là người có số lượng phiếu bầu cao nhất trong số ứng viên trúng cử BKS.

X. Hiệu lực thi hành

- Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin kết thúc.
- Trên đây là toàn bộ nội dung của Quy chế ứng cử, đề cử, bầu cử HĐQT, BKS, Giám đốc Công ty hợp nhất nhiệm kỳ 05 năm tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

HOÀNG MINH HIẾU



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

BIÊN BẢN HỌP NHÓM

**ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN LÀM GIÁM ĐỐC CÔNG TY HỢP NHẤT
CÔNG TY HỢP NHẤT NHIỆM KỲ 2020 – 2024**

Hôm nay, ngày/...../2019, tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin cùng nhau nắm giữ cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

Cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Ký tên
Tổng số cổ phần				

cùng nhất trí đề cử cá nhân sau đây làm ứng viên Giám đốc Công ty Hợp nhất nhiệm kỳ 2020-2024:

Ông/ Bà:

CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:.....)

Tương ứng% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử cá nhân sau đây làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử ứng viên Giám đốc Công ty Hợp nhất nhiệm kỳ 2020-2024:

Ông/ Bà:

CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:.....)

Tương ứng% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Biên bản này được lập vào lúc giờ, ngày/...../2019 tại

....., ngày tháng năm 2019

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Vui lòng dán
ảnh tại ô này



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----000-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên Giám đốc Công ty Hợp nhất nhiệm kỳ 2020-2024)

- 1) Họ và tên:
- 2) Giới tính:
- 3) Ngày tháng năm sinh:
- 4) Nơi sinh:
- 5) Quốc tịch:
- 6) Dân tộc:
- 7) Trình độ học vấn:
- 8) Trình độ chuyên môn:
- 9) Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (làm gì, ở đâu)	Ghi chú

10) Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin (Công ty):.....

11) Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

12) Số CP nắm giữ (tại thời điểm 21/11/2019): cổ phần, chiếm % vốn điều lệ.

Trong đó:

- Đại diện sở hữu.....: cổ phần, chiếm % vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu: cổ phần, chiếm % vốn điều lệ.

13) Các cam kết nắm giữ (nếu có):

14) Danh sách người có liên quan đến người khai:



CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI – VINACOMIN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2019

PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: TNDM.000XXX

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**
Số lượng cổ phần sở hữu: **X** cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **X** cổ phần
Tổng số lượng cổ phần đại diện: **X** cổ phần

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
Nội dung 01: Thông qua Phương án hợp nhất CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin và CTCP Than Cao Sơn - Vinacomin do BVSC lập ngày 23 tháng 10 năm 2019	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 02: Thông qua Hợp đồng hợp nhất CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin và CTCP Than Cao Sơn - Vinacomin	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 03: Thông qua Dự thảo Điều lệ công ty sau hợp nhất	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 04: Thông qua việc Lưu ký bổ sung cổ phiếu phát hành của Công ty hợp nhất tại VSD; đăng ký giao dịch cổ phiếu trên UpCOM/ đăng ký niêm yết tại HNX	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 05: Thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin thực hiện những vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ nhằm giải quyết các thủ tục theo quy định PL để hợp nhất CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin và CTCP Than Cao Sơn - Vinacomin	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 06: Thông qua việc Bầu Chủ tịch – thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban – thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hợp nhất nhiệm kỳ 05 năm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn:

Đại biểu biểu quyết bằng cách lựa chọn **MỘT** trong các phương án: **Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến** cho từng nội dung biểu quyết.

Ngày 20 tháng 12 năm 2019

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

ĐƠN ỨNG CỬ
GIÁM ĐỐC CÔNG TY HỢP NHẤT
NHIỆM KỲ 2020 – 2024

Kính gửi: **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI – VINACOMIN**

Tên tôi là:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:

Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:))

Tương ứng.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Sau khi nghiên cứu các quy định về các tiêu chuẩn, điều kiện làm Giám đốc Công ty Hợp nhất và các tài liệu, quy định pháp luật có liên quan; tôi thấy đủ điều kiện ứng cử làm Giám đốc Công ty Hợp nhất nhiệm kỳ 2020-2024.

Dề nghị Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin cho tôi được tự ứng cử làm ứng cử viên tham gia làm Giám đốc Công ty Hợp nhất nhiệm kỳ 2020-2024.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm Giám đốc Công ty Hợp nhất, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Hợp nhất.

Tôi cam đoan những thông tin tôi cung cấp là đúng sự thật và tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ gửi kèm.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao hợp lệ các bằng cấp (Nếu có);
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;

..., ngày..... tháng năm 2019

Người ứng cử

(Ký và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

**GIẤY ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN LÀM GIÁM ĐỐC
CÔNG TY HỢP NHẤT NHIỆM KỲ 2020 – 2024**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin

Tôi tên là:

CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:.....)

Tương ứng% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Tôi nhất trí đề cử:

Ông/ Bà:

CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:.....)

Tương ứng% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

làm ứng viên tham gia làm Giám đốc Công ty Hợp nhất nhiệm kỳ 2020-2024.

....., ngày tháng năm 2019

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu của người đề cử và người được đề cử;
- Bản sao hợp lệ các bằng cấp (nếu có) của người được đề cử;
- Sơ yếu lý lịch ứng viên của người được đề cử;
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 (21/11/2019) của người đề cử.



CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2019

PHIẾU BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
MÃ ĐẠI BIỂU: TNDM.000XXX

Họ và tên Đại biểu: NGUYỄN VĂN A
Số lượng cổ phần sở hữu: X cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: X cổ phần
Tổng số lượng cổ phần đại diện: X cổ phần
Tổng số lượng phiếu bầu: X phiếu bầu

Tôi đồng ý Bầu 04 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 05 năm như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu dồn đều phiếu (cho các ứng viên)	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1	Nguyễn Văn B	<input type="checkbox"/>	
2	Nguyễn Văn C	<input type="checkbox"/>	
3	Nguyễn Văn D	<input type="checkbox"/>	
4	Nguyễn Văn E	<input type="checkbox"/>	
5	Nguyễn Văn F	<input type="checkbox"/>	

Hướng dẫn:
Đại biểu bầu 04 TVHDQT bằng cách lựa chọn phương án: **Bầu dồn đều phiếu** (cho các ứng viên) hoặc ghi rõ số lượng phiếu bầu vào nội dung **Số phiếu bầu** (cho từng ứng viên) cho các ứng viên tương ứng trong phiếu bầu cử HĐQT.

Ngày 20 tháng 12 năm 2019
ĐẠI BIỂU
(Ký và Ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÀ NẴNG - VINACOMIN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2019

PHIẾU BẦU CỬ GIÁM ĐỐC CÔNG TY MÃ ĐẠI BIỂU: TNDM.000XXX

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**
Số lượng cổ phần sở hữu: **X cổ phần**
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **X cổ phần**
Tổng số lượng cổ phần đại diện: **X cổ phần**
Tổng số lượng phiếu bầu: **X phiếu bầu**

Tôi đồng ý Bầu Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 05 năm như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu dồn đều phiếu (cho các ứng viên)	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1	Nguyễn Văn H	<input type="checkbox"/>	

Hướng dẫn:

Đại biểu bầu Giám đốc Công ty bằng cách lựa chọn phương án: **Bầu dồn đều phiếu** (cho các ứng viên) hoặc ghi rõ số lượng phiếu bầu vào nội dung **Số phiếu bầu** (cho từng ứng viên) cho các ứng viên tương ứng trong phiếu bầu cử Giám đốc Công ty.

Ngày 20 tháng 12 năm 2019

ĐẠI BIỂU
(Ký và Ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÀ MÀI - VINACOMIN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2019

THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU:

TNDM.000XXX

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**

Số lượng cổ phần sở hữu: **X cổ phần**

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **X cổ phần**

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: **X cổ phần**



CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÀ MÀI - VINACOMIN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2019

PHIẾU BẦU CỬ BAN KIỂM SOÁT
MÃ ĐẠI BIỂU: TNDM.000XXX

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**
Số lượng cổ phần sở hữu: **X** cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **X** cổ phần
Tổng số lượng cổ phần đại diện: **X** cổ phần
Tổng số lượng phiếu bầu: **X** phiếu bầu

Tôi đồng ý Bầu 05 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 05 năm như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu dồn đều phiếu (cho các ứng viên)	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1	Nguyễn Văn X	<input type="checkbox"/>	
2	Nguyễn Văn Y	<input type="checkbox"/>	
3	Nguyễn Văn Z	<input type="checkbox"/>	
4	Nguyễn Văn P	<input type="checkbox"/>	
5	Nguyễn Văn Q	<input type="checkbox"/>	

Hướng dẫn:

Đại biểu bầu 05 TVBKS bằng cách lựa chọn phương án: **Bầu dồn đều phiếu** (cho các ứng viên) hoặc ghi rõ số lượng phiếu bầu vào nội dung **Số phiếu bầu** (cho từng ứng viên) cho các ứng viên tương ứng trong phiếu bầu cử BKS.

Ngày 20 tháng 12 năm 2019

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ LỊCH**
2. Giới tính: Nam/Nữ: Nữ
3. Ngày, tháng, năm sinh: Ngày 19 tháng 10 năm 1979
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. CMND/Hộ chiếu số: 101166814 Ngày cấp: 22/01/2010 Nơi cấp: CA Quảng Ninh
6. Địa chỉ thường trú: SN 11, tổ 3, khu 6B, phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Quảng Ninh.
7. Số điện thoại liên lạc: 0912 591 015
8. Trình độ văn hoá: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
10. Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 10/2001 đến tháng 01/2009 Nhân viên phòng Kế toán- Công ty TNHH MTV than Hạ Long.
 - + Từ tháng 02/2009 đến tháng 4/2010 Phó phòng Kế toán- Công ty TNHH MTV than Hạ Long.
 - + Từ tháng 05/2010 đến tháng 11/2010 Phụ trách phòng Kế toán- Công ty TNHH MTV than Hạ Long.
 - + Từ tháng 12/2010 đến tháng 4/2018 Kế toán trưởng Công ty than Hạ Long.
 - + Từ tháng 4/2018 đến nay Phó trưởng ban kiểm soát nội bộ Tập đoàn.
11. Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay: Phó trưởng ban kiểm soát nội bộ Tập đoàn; Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc; Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần than Tây Nam Đá Mài, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cơ khí ô tô Uông Bí, Kiểm soát viên Công ty than Quang Hanh và Kiểm soát viên Công ty than Hòn Gai.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **ĐƯƠNG THỊ THU PHONG**

2. Giới tính: Nam/Nữ: Nữ

3. Ngày, tháng, năm sinh: Ngày 02 tháng 9 năm 1972

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. CMND/Hộ chiếu số: 100583292 Ngày cấp: 13/02/2006 Nơi cấp: CA Quảng Ninh

6. Địa chỉ thường trú: SN 11, tổ 3, khu 6B, phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Quảng Ninh.

7. Số điện thoại liên lạc: 0912 658 006

8. Trình độ văn hoá: 12/12

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa CN Mỏ, Thạc sỹ chuyên ngành kinh tế mỏ.

10. Quá trình công tác:

+ Từ tháng 10/1994 đến tháng 06/1996: Cán bộ phòng máy tính, Trung tâm máy tính và tin học Hạ Long.

+ Từ tháng 7/1996 đến tháng 02/1997: Cán bộ phòng máy tính, Công ty than Hòn Gai

+ Từ tháng 3/1997 đến tháng 3/1998: Cán bộ tổ chức dịch vụ trường Đào tạo nghề mỏ Hòn Gai – Quảng Ninh.

+ Từ tháng 4/1998 đến tháng 9/1999: Cán bộ phòng Tổ chức lao động, Công ty than Hòn Gai.

+ Từ tháng 10/1999 đến tháng 11/2003: Nhân viên phòng Tổ chức lao động, Kế hoạch, Kế toán thống kê, Quản lý chi phí, Công ty than Núi Béo.

+ Từ tháng 12/2003 đến tháng 12/2004: Phó phòng Khoán và Quản lý chi phí, Công ty than Núi Béo -TKV.

+ Từ tháng 01/2005 đến tháng 10/2014: Trưởng phòng Quản lý chi phí, Công ty than Núi Béo -Vinacomin.

+ Từ tháng 11/2014 đến tháng 15/12/2015: Phó giám đốc, Công ty than Núi Béo -Vinacomin.

+ Từ tháng 12/2015 đến tháng /2015: Trưởng phòng Ban Kế hoạch Tập đoàn.

+ Từ tháng 4/2018 đến nay: Phó trưởng Ban Kế hoạch Tập đoàn.

11. Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay: Phó trưởng ban Kế hoạch Tập đoàn; Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần than Tây Nam Đá Mài.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **VŨ VĂN KHẢN**
2. Giới tính: Nam/Nữ: Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh: Ngày 16 tháng 8 năm 1968
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. CMND/Hộ chiếu số: 034068001414, cấp ngày 29 /7/2015. Nơi cấp: Cục cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư.
6. Địa chỉ thường trú: Tổ 4 Khu Đập nước I, Phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
7. Số điện thoại liên lạc: 0912 108 420
8. Trình độ văn hoá: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ
10. Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 9/1990 đến tháng 9/1995: Kỹ thuật viên CT Mìn Mỏ Than Cọc Sáu.
 - + Từ tháng 10/1995 đến tháng 7/1999: Kỹ sư Phòng Kỹ thuật Khai thác Mỏ Than Cọc Sáu.
 - + Từ tháng 8/1999 đến tháng 4/2004: Phó trưởng phòng Kỹ thuật Khai thác Công ty Than Cọc Sáu.
 - + Từ tháng 5/2004 đến tháng 9/2006: Quản đốc CT Xúc Tả Ngạn Công ty Than Cọc Sáu.
 - + Từ tháng 10/2006 đến tháng 10/2007: Trưởng phòng Kỹ thuật Khai thác Công ty Than Cọc Sáu.
 - + Từ tháng 11/2007 đến tháng 3/2008: Trưởng phòng Kỹ thuật Khai thác, Trợ lý Giám đốc, Chỉ huy Công trường Khai thác quặng sắt Thạch Khê (Hà Tĩnh) Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-TKV.
 - + Từ tháng 4/2008 đến tháng 3/2013: Phó giám đốc Công ty CP Than Cọc Sáu - Vinacomin.
 - + Từ tháng 4/2013 đến tháng 9/2018: Giám đốc Công ty cổ phần Than Cọc Sáu- Vinacomin.
 - + Từ tháng 10/2018 đến nay: Ủy viên thường trực HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin.
11. Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **PHẠM THÀNH ĐÔNG**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày, tháng, năm sinh: ngày 01 tháng 6 năm 1961

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. CMND/Hộ chiếu số: 100983012 Ngày cấp: 16/3/2005 Nơi cấp: CA Quảng Ninh

6. Địa chỉ thường trú: Căn hộ 1, C2T2, QĐ, K80A Vĩnh Phúc Ba Đình, Hà Nội

7. Số điện thoại liên lạc: 0913.251.765

8. Trình độ văn hoá: 10/10

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ

10. Quá trình công tác:

+ Từ tháng 4/1985 đến tháng 4/1994: Nhân viên phòng KTKT Mỏ than Đèo Nai

+ Từ tháng 5/1994 đến tháng 01/2002: Phó phòng KTKT Mỏ than Đèo Nai

+ Từ tháng 02/2002 đến tháng 03/2002: Trợ lý Giám đốc Công ty than Đèo Nai.

+ Từ tháng 4/2002 đến tháng 3/2010: Phó Giám đốc Công ty than Đèo Nai.

+ Từ tháng 04/2010 đến 24/10/2016: Giám đốc Công ty cổ phần than Đèo Nai – Vinacomin

+ Từ tháng 25/10/2016 đến nay: Giám đốc Công ty cổ phần than Cao Sơn – Vinacomin.

11. Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần than Cao Sơn – Vinacomin.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **VŨ TRỌNG TUẤN**
2. Giới tính: Nam/Nữ: Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh: Ngày 03 tháng 5 năm 1965
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. CMND/Hộ chiếu số: 101178452; Ngày cấp: 22/9/2009; Nơi cấp: CA Quảng Ninh
6. Địa chỉ thường trú: Tổ 8, Khu 4, P. Hồng Hà - TP Hạ Long - Quảng Ninh.
7. Số điện thoại liên lạc: 0203.3.862.229
8. Trình độ văn hoá: 10/10
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Trắc địa mỏ, Kỹ sư khai thác mỏ.
10. Quá trình công tác:
 - Từ tháng 11/1988 đến tháng 10/1993: Nhân viên phòng Kỹ thuật – XN Than Cẩm Phả.
 - Từ tháng 8/1993 đến tháng 10/1996: Nhân viên Kỹ thuật Cảng cá – XN Than Cẩm Phả.
 - Từ tháng 11/1996 đến tháng 9/1999: Trưởng phòng Kỹ thuật – XN Than Cẩm Phả.
 - Từ tháng 10/1999 đến tháng 12/2003: Phó quản đốc CT Khai thác Công ty CP than Tây Nam Đà Nẵng.
 - Từ tháng 01/2004 đến tháng 04/2009: Quản đốc CT Khai thác Công ty CP than Tây Nam Đà Nẵng.
 - Từ tháng 05/2009 đến tháng 7/2009: Trợ lý Giám đốc Công ty CP than Tây Nam Đà Nẵng.
 - Từ tháng 08/2009 đến tháng 11/2019: Phó Giám đốc Công ty CP than Tây Nam Đà Nẵng.
 - Từ 01/12/2019 đến nay: Quyền Giám đốc Công ty CP than Tây Nam Đà Nẵng.
11. Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT - Quyền Giám đốc Công ty CP than Tây Nam Đà Nẵng - Vinacomin.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **NGUYỄN LAN CHI**

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày, tháng, năm sinh: Ngày 20 tháng 5 năm 1965

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. CMND/Hộ chiếu số: 100425136; Ngày cấp: 15/6/2006; Nơi cấp: CA Quảng Ninh

6. Địa chỉ thường trú: Tổ 15, Khu 5A, Phường Cửa Ông, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

7. Số điện thoại liên lạc: 0912.258.035

8. Trình độ văn hoá: 10/10

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, ngành Kế toán Doanh nghiệp

10. Quá trình công tác:

+ Từ tháng 11/1983 đến tháng 5/1984: Công nhân PX Đồng Bền-XN Tuyển than Cửa Ông.

+ Từ tháng 6/1984 đến tháng 6/1994: Nhân viên Phòng Kế toán-XN Tuyển than Cửa Ông.

+ Từ tháng 7/1994 đến tháng 6/1996: Nhân viên Phòng Kế toán-XN Than tận thu 2.

+ Từ tháng 7/1996 đến tháng 5/1999: Nhân viên Phòng Kế toán-XN Sản xuất chế biến & Kinh doanh than Cẩm Phả.

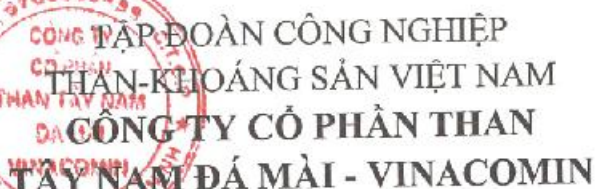
+ Từ tháng 6/1999 đến 10/2001: Phó phòng Kế toán-XN tận thu chế biến than.

+ Từ tháng 11/2001 đến 7/2006: Phó phòng Kế toán Thống kê-Công ty tuyển than Cửa Ông.

+ Từ tháng 8/2006 đến tháng 3/2016: Kế toán trưởng-Công ty tuyển than Cửa Ông.

+ Từ tháng 4/2016 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin.

11. Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin.



Cẩm Phả, ngày 20 tháng 12 năm 2019

BIÊN BẢN
Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019
Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin

Khai mạc hội giờ phút, Thứ Sáu ngày 20 tháng 12 năm 2019.

1. Chủ tọa đại hội: Ông **Hoàng Minh Hiếu** – Chủ tịch HĐQT Công ty.
2. Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty.
3. Các cổ đông của Công ty theo danh sách đăng ký cuối cùng ngày 21/11/2019.

1. KHAI MẠC ĐẠI HỘI

- **Chủ tọa Đại hội:**
- + Ông Hoàng Minh Hiếu
- **Ban Kiểm tra tư cách đại biểu:**
- + Ông/bà [REDACTED]
- + Ông/bà [REDACTED]
- + Ông/bà [REDACTED]
- **Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa Đại Hội**
- **Trưởng ban**
- **Thành viên**
- **Thành viên**

Ông Hoàng Minh Hiếu – Chủ tọa Đại Hội giới thiệu thành viên Ban thư ký và Ban kiểm

- Ban thư ký Đại hội:

+ Ông/bà [REDACTED] - Trưởng ban

+ Ông/bà [REDACTED] - Thành viên

- Ban Kiểm phiếu:

- | | |
|---------------------|--------------|
| + Ông/bà [REDACTED] | - Trưởng ban |
| + Ông/bà [REDACTED] | - Thành viên |
| + Ông/bà [REDACTED] | - Thành viên |

Đại hội đã nhất trí thông qua danh sách Ban thư ký và Ban kiểm phiếu nêu trên với tỷ lệ biểu quyết tán thành %, không tán thành %, không ý kiến %.

Tiếp theo đại hội được nghe báo cáo lần 1 của Ông Dương Doãn Quân - Trưởng ban Kiểm tra tư cách đại biểu công bố kết quả kiểm tra tư cách đại biểu tại đại hội như sau:

Tại thời điểm giờ phút, đã có đại biểu tham dự đại hội trực tiếp (đại biểu ủy quyền), đại diện cho cổ phần có quyền biểu quyết, đạt % số cổ phần có quyền biểu quyết, đáp ứng đủ điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

- Ông/bà trình bày Nội dung chương trình đại hội và Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019.
- Ông/bà lấy ý kiến đại hội để thông qua Nội dung chương trình đại hội và Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019.

Đại hội đã thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết Nội dung chương trình đại hội với tỷ lệ % tán thành, % không tán thành, % không ý kiến trên tổng số đại biểu dự Đại hội.

Đại hội đã thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội với tỷ lệ % tán thành, % không tán thành, % không ý kiến trên tổng số đại biểu dự Đại hội.

2.1. Các tờ trình tại đại hội

- a. **TỜ TRÌNH SỐ 01:** Ông/bà [REDACTED] trình bày nội dung tờ trình số 01 và xin ý kiến Đại hội về việc miễn nhiệm 01 Ủy viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 – 2024 và không bầu bổ sung 01 Ủy viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 – 2024 CTCP Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin tại Đại hội bất thường năm 2019:

- + Miễn nhiệm chức danh Ủy viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 – 2024 Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin đối với Ông Nguyễn Xuân Lập kể từ ngày 01/12/2019;
- + Không bầu bổ sung 01 Ủy viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 – 2024 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình số 01 bằng hình thức giơ thẻ quyết quyết, với tỷ lệ biểu quyết % tán thành, % không tán thành, % không ý kiến trên tổng số đại biểu dự Đại hội.

b. **TỜ TRÌNH SỐ 03:** Ông/bà trình bày nội dung tờ trình số 03 về việc Hợp nhất Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin. Tờ trình bao gồm những nội dung chính sau:

❖ Phương án hợp nhất doanh nghiệp Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin (*Phương án hợp nhất chi tiết được đính kèm tờ trình số 03*): Công ty Hợp nhất sẽ phát hành cổ phần để hoán đổi lấy toàn bộ số cổ phần đang lưu hành của các Công ty bị Hợp nhất theo phương thức dưới đây và được Đại hội đồng cổ đông các Công ty bị Hợp nhất thông qua. Theo đó, tất cả các cổ đông hiện hữu của các Công ty bị Hợp nhất sẽ trở thành cổ đông của Công ty Hợp nhất thông qua việc sở hữu cổ phần Công ty Hợp nhất phát hành thêm theo Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi, cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu [tên Công ty Hợp nhất] - Vinacomin
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 42.846.773 cổ phần
- Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá: 428.467.730.000 đồng
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin theo danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc hoán đổi.
- Phương thức phát hành: Công ty Hợp nhất sẽ phát hành 42.846.773 cổ phần để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phần của các cổ đông trong Công ty bị hợp nhất, trong đó:
 - ✓ Tỷ lệ hoán đổi đối với cổ đông Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin là 1:1 (01 cổ phần của Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin sẽ được hoán đổi với 01 cổ phần Công ty Hợp nhất).
 - ✓ Tỷ lệ hoán đổi đối với cổ đông Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin là 1:1 (01 cổ phần của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin sẽ được hoán đổi với 01 cổ phần Công ty Hợp nhất).
- ❖ Dự thảo Hợp đồng hợp nhất Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin (*Dự thảo Hợp đồng hợp nhất chi tiết được đính kèm tờ trình số 03*);
- ❖ Dự thảo Điều lệ công ty sau hợp nhất (*Dự thảo Điều lệ Công ty sau hợp nhất được đính kèm tờ trình số 03*);

❖ Lưu ký bổ sung cổ phiếu phát hành của Công ty hợp nhất tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam; đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UpCOM hoặc đăng ký niêm yết (nếu đủ điều kiện) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;

❖ Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin thực hiện những vấn đề khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông nhằm giải quyết các thủ tục theo quy định của pháp luật để tiến hành hợp nhất Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin.

c. **TỜ TRÌNH SỐ 04:** Ông/bà trình bày nội dung tờ trình số 04 về việc Bầu cử Chủ tịch – Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban – Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hợp nhất nhiệm kỳ 05 năm (kể từ ngày công ty hợp nhất chính thức hoạt động):

- Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên được bầu
 - + Chủ tịch HĐQT (phải là thành viên HĐQT): 01 người;
 - + Thành viên HĐQT: 04 người;
 - + Giám đốc công ty: 01 người;
 - + Trưởng BKS (phải là thành viên BKS): 01 người;
 - + Thành viên BKS: 04 người;
 - + Nhiệm kỳ: 05 năm, kể từ ngày công ty hợp nhất chính thức hoạt động
 - + Số lượng ứng cử viên: không hạn chế
 - + Tiêu chuẩn và điều kiện: Theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp 2014.
- Danh sách ứng viên HĐQT – BKS Công ty hợp nhất nhiệm kỳ 05 năm
 - + Ứng viên Hội đồng quản trị:
 1. Ông/ Bà:
 2. Ông/ Bà:
 3. Ông/ Bà:
 4. Ông/ Bà:
 - + Ứng viên Ban kiểm soát:
 1. Ông/ Bà:
 2. Ông/ Bà:
 3. Ông/ Bà:
 4. Ông/ Bà:
 - + Ứng viên Ban Giám đốc:
 1. Ông/ Bà:

2.2. Đại hội thảo luận

- Ông Hoàng Minh Hiếu, Chủ tọa điều hành Đại hội thảo luận các vấn đề:
 - + Ý kiến của cổ đông:
 - + Phản trả lời của Chủ tọa:

2.3. Đại hội tiến hành bỏ phiếu biểu quyết thông qua các tờ trình:

Tại thời điểm Đại hội tiến hành bỏ phiếu là giờ phút, Ban kiểm tra tư cách đại biểu đã báo cáo tại đại hội: có đại biểu tham dự đại hội trực tiếp (đại biểu ủy quyền), đại diện cho cổ phần có quyền biểu quyết, đạt % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Ông Hoàng Minh Hiếu - Chủ tọa Đại hội hướng dẫn đại hội bỏ phiếu biểu quyết thông qua các tờ trình. Đại hội đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết với kết quả cụ thể như sau:

a. Thông qua Phương án hợp nhất doanh nghiệp Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin theo nội dung tờ trình số 03 (Phương án hợp nhất chi tiết được đính kèm tờ trình số 03):

- | | | | |
|---|-----------------------------|------------|---------------------------------|
| + | Số cổ phần tán thành: | CP, chiếm: | % số cổ phần biểu quyết dự họp. |
| + | Số cổ phần không tán thành: | CP, chiếm: | % số cổ phần biểu quyết dự họp. |
| + | Số cổ phần không có ý kiến: | CP, chiếm: | % số cổ phần biểu quyết dự họp. |
| + | Số cổ phần không hợp lệ: | CP, chiếm: | % số cổ phần biểu quyết dự họp. |

Kết quả biểu quyết sau khi đã loại trừ ý kiến của cổ đông có lợi ích liên quan:

- | | | | |
|---|-----------------------------|------------|---------------------------------|
| + | Số cổ phần tán thành: | CP, chiếm: | % số cổ phần biểu quyết dự họp. |
| + | Số cổ phần không tán thành: | CP, chiếm: | % số cổ phần biểu quyết dự họp. |
| + | Số cổ phần không có ý kiến: | CP, chiếm: | % số cổ phần biểu quyết dự họp. |
| + | Số cổ phần không hợp lệ: | CP, chiếm: | % số cổ phần biểu quyết dự họp. |

b. Thông qua Dự thảo Hợp đồng hợp nhất Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin theo nội dung tờ trình số 03 (Dự thảo Hợp đồng hợp nhất chi tiết được đính kèm tờ trình số 03):

- | | | | |
|---|-----------------------------|------------|---------------------------------|
| + | Số cổ phần tán thành: | CP, chiếm: | % số cổ phần biểu quyết dự họp. |
| + | Số cổ phần không tán thành: | CP, chiếm: | % số cổ phần biểu quyết dự họp. |
| + | Số cổ phần không có ý kiến: | CP, chiếm: | % số cổ phần biểu quyết dự họp. |
| + | Số cổ phần không hợp lệ: | CP, chiếm: | % số cổ phần biểu quyết dự họp. |

Kết quả biểu quyết sau khi đã loại trừ ý kiến của cổ đông có lợi ích liên quan:

- | | | | |
|---|-----------------------------|------------|---------------------------------|
| + | Số cổ phần tán thành: | CP, chiếm: | % số cổ phần biểu quyết dự họp. |
| + | Số cổ phần không tán thành: | CP, chiếm: | % số cổ phần biểu quyết dự họp. |
| + | Số cổ phần không có ý kiến: | CP, chiếm: | % số cổ phần biểu quyết dự họp. |
| + | Số cổ phần không hợp lệ: | CP, chiếm: | % số cổ phần biểu quyết dự họp. |

c. Thông qua việc Lưu ký bổ sung cổ phiếu phát hành của Công ty hợp nhất tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam; đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UpCOM hoặc đăng ký niêm yết (nếu đủ điều kiện) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo nội dung tờ trình số 03:

+	Số cổ phần tán thành:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.
+	Số cổ phần không tán thành:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.
+	Số cổ phần không có ý kiến:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.
+	Số cổ phần không hợp lệ:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.
	Kết quả biểu quyết sau khi đã loại trừ ý kiến của cổ đông có lợi ích liên quan:		
+	Số cổ phần tán thành:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.
+	Số cổ phần không tán thành:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.
+	Số cổ phần không có ý kiến:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.
+	Số cổ phần không hợp lệ:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.

d. Thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin thực hiện những vấn đề khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông nhằm giải quyết các thủ tục theo quy định của pháp luật để tiến hành hợp nhất Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin theo nội dung tờ trình số 03:

+	Số cổ phần tán thành:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.
+	Số cổ phần không tán thành:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.
+	Số cổ phần không có ý kiến:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.
+	Số cổ phần không hợp lệ:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.
	Kết quả biểu quyết sau khi đã loại trừ ý kiến của cổ đông có lợi ích liên quan:		
+	Số cổ phần tán thành:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.
+	Số cổ phần không tán thành:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.
+	Số cổ phần không có ý kiến:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.
+	Số cổ phần không hợp lệ:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.

e. Thông qua việc Bầu cử Chủ tịch – Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban – Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hợp nhất nhiệm kỳ 05 năm (kể từ ngày công ty hợp nhất chính thức hoạt động):

+	Số cổ phần tán thành:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.
+	Số cổ phần không tán thành:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.
+	Số cổ phần không có ý kiến:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.
+	Số cổ phần không hợp lệ:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.
	Kết quả biểu quyết sau khi đã loại trừ ý kiến của cổ đông có lợi ích liên quan:		
+	Số cổ phần tán thành:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.

+	Số cổ phần không tán thành:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.
+	Số cổ phần không có ý kiến:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.
+	Số cổ phần không hợp lệ:	CP, chiếm:	% số cổ phần biểu quyết dự họp.

2.4. Đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu cử

- Ông Hoàng Minh Hiếu đã thông báo về hồ sơ đề cử, ứng cử bầu Chủ tịch – Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban – Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hợp nhất nhiệm kỳ 05 năm, đại hội đã biểu quyết thông qua danh sách đề xuất nhân sự bầu vào HĐQT, BKS, Ban Giám đốc.

Đại hội đã thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết Danh sách đề xuất nhân sự bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty hợp nhất nhiệm kỳ 05 năm (kể từ ngày công ty hợp nhất chính thức hoạt động) với tỷ lệ % tán thành, % không tán thành, % không ý kiến trên tổng số đại biểu dự Đại hội.

- Họ và tên ứng viên HĐQT, BKS Công ty hợp nhất nhiệm kỳ 05 năm như sau:

❖ Danh sách ứng viên HĐQT Công ty hợp nhất nhiệm kỳ 05 năm:

1. Ông/bà ;
2. Ông/bà ;
3. Ông/bà ;
4. Ông/bà ;
5. Ông/bà ;

❖ Danh sách ứng viên BKS Công ty hợp nhất nhiệm kỳ 05 năm:

1. Ông/bà ;
2. Ông/bà ;
3. Ông/bà ;
4. Ông/bà ;
5. Ông/bà ;

❖ Danh sách ứng viên Ban Giám đốc Công ty hợp nhất nhiệm kỳ 05 năm:

1. Ông/bà ;

- Ông/bà trình bày Quy chế bầu cử HĐQT, BKS Công ty hợp nhất nhiệm kỳ 05 năm tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019.

Ông/bà lấy ý kiến đại hội để thông qua Quy chế bầu cử HĐQT, BKS Công ty hợp nhất nhiệm kỳ 05 năm tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 (đã được đăng tải đầy đủ trên website Công ty tại địa chỉ taynamdamai.com.vn).

Đại hội đã thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết Quy chế bầu cử HĐQT, BKS Công ty hợp nhất nhiệm kỳ 05 năm với tỷ lệ % tán thành, % không tán thành, % không ý kiến trên tổng số đại biểu dự Đại hội.

- Ông/bà hướng dẫn đại hội bầu cử. Đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu cử với kết quả bầu cử cụ thể như sau:

❖ **Kết quả bầu cử HĐQT Công ty hợp nhất nhiệm kỳ 05 năm:**

Danh sách 05 ứng viên trúng cử thành viên HĐQT Công ty hợp nhất nhiệm kỳ 05 năm	Số phiếu bầu	Tỷ lệ tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp	Chức vụ trúng cử
Ông/bà		%	
Ông/bà		%	
Ông/bà		%	
Ông/bà		%	
Ông/bà		%	

❖ **Kết quả bầu cử BKS Công ty hợp nhất nhiệm kỳ 05 năm:**

Danh sách 05 ứng viên trúng cử thành viên BKS Công ty hợp nhất nhiệm kỳ 05 năm	Số phiếu bầu	Tỷ lệ tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp	Chức vụ trúng cử
Ông/bà		%	
Ông/bà		%	
Ông/bà		%	
Ông/bà		%	
Ông/bà		%	

❖ **Kết quả bầu cử Ban Giám đốc Công ty hợp nhất nhiệm kỳ 05 năm:**

Danh sách ứng viên trúng cử làm Giám đốc Công ty hợp nhất nhiệm kỳ 05 năm	Số phiếu bầu	Tỷ lệ tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp	Chức vụ trúng cử
Ông/bà		%	

3. Bế mạc Đại hội:

- Thay mặt Ban thư ký, Ông/bà – Thư ký Đại hội đọc Dự thảo Biên bản và Nghị quyết đại hội.
 - Chủ tọa thông qua Nghị quyết Đại hội với tỷ lệ % tán thành, % không tán thành, % không ý kiến trên tổng số đại biểu dự Đại hội.
 - Ông Hoàng Minh Hiếu - Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa Đại hội cảm ơn các đại biểu đã tham dự và đóng góp những ý kiến tích cực, tâm huyết cho Hội đồng quản trị Công ty.
- Đại hội kết thúc hồi giờ ' ngày 20/12/2019.

**TM/ ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA**

BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

HOÀNG MINH HIẾU



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN
TÂY NAM ĐÁ MÀI – VINACOMIN**
Số: 02-TND-ĐHĐCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cầm Phả, ngày 20 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin họp ngày 20 tháng 12 năm 2019,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Phương án hợp nhất doanh nghiệp Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài-Vinacomin tại tờ trình số: 208/TTr-HĐQT ngày 10 tháng 12 năm 2019 (Có tờ trình kèm theo)

Điều 2. Thông qua Hợp đồng hợp nhất Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài-Vinacomin

Điều 3. Thông qua Điều lệ Công ty hợp nhất - Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV.

Điều 4. Công nhận kết quả bỏ phiếu Hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng quản trị và quyết định 04 ông/bà có tên dưới đây trúng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV với nhiệm kỳ 5 năm, kể từ ngày Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV chính thức hoạt động.

1. Ông/bà, Chủ tịch.
2. Ông/bà, thành viên
3. Ông/bà, thành viên
4. Ông/bà, thành viên

Điều 5. Công nhận kết quả bỏ phiếu Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát và quyết định 04 ông, bà có tên dưới đây trúng cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV với nhiệm kỳ 5 năm, kể từ ngày Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV chính thức hoạt động.

1. Ông/bà, Trưởng ban
2. Ông/bà, thành viên
3. Ông/bà, thành viên
4. Ông/bà, thành viên

Điều 6. Công nhận kết quả bỏ phiếu bầu Giám đốc và quyết định ônggiữ chức vụ Giám đốc Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV với nhiệm kỳ 5 năm kể từ ngày Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV chính thức hoạt động.

Điều 7. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài -Vinacomin thực hiện những vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ để giải quyết các thủ tục theo quy định của pháp luật nhằm tiến hành hợp nhất Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài-Vinacomin.

Điều 8. Nghị quyết này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài-Vinacomin năm 2019 thông qua..

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước (b/c);
- Các cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Đảng ủy, Công đoàn, DTN, CCB;
- Các phó Giám đốc, KTTT;
- Đăng trên Website của Công ty;
- Lưu VT, Thư ký Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

HOÀNG MINH HIẾU



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Số: 03-TND-ĐHĐCD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cầm Phả, ngày 20 tháng 12 năm 2019

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài-Vinacomin họp ngày 20/12/2019,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Miễn nhiệm chức danh Ủy viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 – 2024 Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin đối với Ông Nguyễn Xuân Lập kể từ ngày 01/12/2019;

Điều 2. Không bầu bổ sung 01 Ủy viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 – 2024 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin năm 2019 thông qua.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước (b/c);
- Các cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Đảng ủy, Công đoàn, ĐTN, CCB;
- Các phó Giám đốc, KTTT;
- Đăng trên Website của Công ty;
- Lưu VT, Thư ký Công ty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

HOÀNG MINH HIẾU